



LILAMA 69-1

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-1 **LILAMA 69-1 JSC**

Add: 17 Ly Thai To street – Bac Ninh city – Bac Ninh province
Tel: (0241) 3821212 - 3854396 Fax: (0241) 3820584
E-mail: mail@lilama69-1.com.vn Website: www.lilama69-1.com.vn



ISO 9001:2008



BÁO CÁO **THƯỜNG NIÊN NĂM 2015**

PHẦN I **THÔNG TIN CHUNG**

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **Công ty Cổ phần LILAMA 69-1**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2300102253
- Vốn điều lệ: **70.150.000.000 đồng** (Bảy mươi tỷ một trăm năm mươi triệu Việt Nam đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 70.150.000.000 đồng
- Địa chỉ: Số 17 Lý Thái Tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.
- Số điện thoại: +84 241 3821212
- Số fax: +84 241 3820584
- Website: www.lilama69-1.com.vn
- Email: mail@lilama69-1.com.vn
- Mã cổ phiếu: **L61**

2. Quá trình hình thành và phát triển

+ Việc thành lập:

Công ty Cổ phần LILAMA 69-1 là thành viên của Tổng công ty lắp máy Việt Nam (LILAMA). Tiền thân của Công ty từ hai công trường lắp máy được thành lập vào tháng 5 năm 1961 là công trường lắp máy Hà Bắc để thi công nhà máy phân đạm Hà Bắc và công trường lắp máy Ưông Bí để thi công nhà máy điện Ưông Bí (Quảng Ninh). Sau đó, công trường lắp máy Hà Bắc đổi tên thành Xí nghiệp lắp máy số 6, công trường lắp máy Ưông Bí đổi tên thành Xí nghiệp lắp máy số 9.

Tháng 12 năm 1979, Xí nghiệp liên hợp lắp máy 69 được thành lập trên cơ sở sáp nhập hai xí nghiệp lắp máy số 6 và số 9 để triển khai thi công xây dựng nhà máy nhiệt điện Phả Lại với 4 tổ máy có tổng công suất 440 MW, đây là nhà máy nhiệt điện đốt than có quy mô lớn nhất cả nước lúc bấy giờ.

Sau khi hoàn thành việc xây dựng nhà máy nhiệt điện Phả Lại, ngày 02/5/1988, Bộ trưởng Bộ Xây dựng ra quyết định số 448/BXD/TCLĐ giải thể Xí nghiệp liên hợp lắp

máy 69 để thành lập các xí nghiệp lắp máy 69-1; xí nghiệp lắp máy 69-2; xí nghiệp lắp máy 69-3; xí nghiệp lắp máy 69-4 trực thuộc Liên hiệp các xí nghiệp lắp máy Bộ Xây dựng tiếp tục thực hiện việc thi công nhiều công trình công nghiệp trên cả nước như: xi măng Hoàng Thạch, kính Đáp Cầu...

Sau khi Tổng công ty lắp máy Việt Nam được thành lập ngày 01/12/1995 thì đến ngày 02/01/1996, Xí nghiệp lắp máy 69-1 được đổi tên thành Công ty lắp máy và xây dựng 69-1 theo quyết định số 05/BXD-TCLĐ của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

+ Chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần:

Cùng với công cuộc phát triển kinh tế của đất nước, thực hiện chủ trương đổi mới và sắp xếp lại các doanh nghiệp Nhà nước của Đảng và Nhà nước, ngày 31/10/2005 Bộ trưởng Bộ Xây dựng ra quyết định số 2054/QĐ-BXD chuyển Công ty lắp máy và xây dựng 69-1 thành **Công ty Cổ phần LILAMA 69-1**

Hiện nay, Công ty có trụ sở chính đóng tại số 17 đường Lý Thái Tổ, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Vốn điều lệ của Công ty là 70,15 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn thuộc sở hữu nhà nước: 51% (do Tổng công ty lắp máy Việt Nam nắm giữ).
- Vốn thuộc sở hữu của các cổ đông khác: 49%

+ Niêm yết:

Theo quyết định số 333/QĐ-TTGDCKHN ngày 02/10/2008 của Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội (nay là Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội) về việc chấp thuận đăng ký niêm yết cổ phiếu, ngày 19/11/2008 cổ phiếu của Công ty Cổ phần LILAMA 69-1 với mã chứng khoán **L61** đã chính thức được niêm yết và giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

3.1. Ngành nghề kinh doanh

- Lắp đặt máy móc thiết bị công nghiệp.
- Lắp đặt hệ thống điện.
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác: lắp đặt, bảo trì thang máy; hệ thống chiếu sáng; hệ thống hút bụi.
- Sửa chữa thiết bị điện
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Bán buôn tổng hợp
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: tư vấn đầu thầu, lập và quản lý dự án đầu tư; thiết kế công trình công nghiệp và dân dụng; thiết kế tổng mặt bằng; thiết kế cơ khí các thiết bị khoan dầu khí; thiết kế điện các công trình dân dụng, công nghiệp; thiết kế cơ khí các loại máy móc thiết bị; giám sát thi công công trình dân dụng và công nghiệp đến cấp I, giao thông thủy lợi cấp IV.
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật: Thí nghiệm, kiểm tra kim loại và mối hàn; thí nghiệm, hiệu chỉnh hệ thống điện cao, hạ thế; kiểm tra thành phần vật lý và hiệu suất của vật liệu; kiểm tra chất lượng và độ tin cậy; phân tích lỗi, kiểm tra hiệu ứng của máy đã hoàn thiện.

- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí. Lắp đặt các hệ thống đường ống hạ áp, trung áp, cao áp, lắp đặt hệ thống lò sưởi, tháp làm lạnh, thiết bị điều hòa nhiệt độ, thông gió, thiết bị bơm và vệ sinh, máy thu nạp năng lượng mặt trời.
- Xây dựng công trình đường sắt, đường bộ, xây dựng nhà các loại.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.
- Xây dựng công trình hệ thống cứu hỏa, xây dựng công trình đường dây và trạm biến áp đến 500KV, thủy lợi, xử lý nước thải, trạm bơm, năng lượng, sân bay, bến cảng, cột thu phát sóng.
- Gia công, chế tạo thiết bị đồng bộ, đường ống, kết cấu thép cho các nhà máy xi măng, điện, dầu khí, hóa chất.
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại. Sản xuất nồi hơi, sửa chữa các sản phẩm đúng sẵn, sửa chữa máy móc thiết bị
- Sản xuất truyền tải và phân phối điện.
- Kinh doanh nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu.
- Bán buôn máy, móc thiết bị và phụ tùng khác. Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.

3.2. Địa bàn kinh doanh

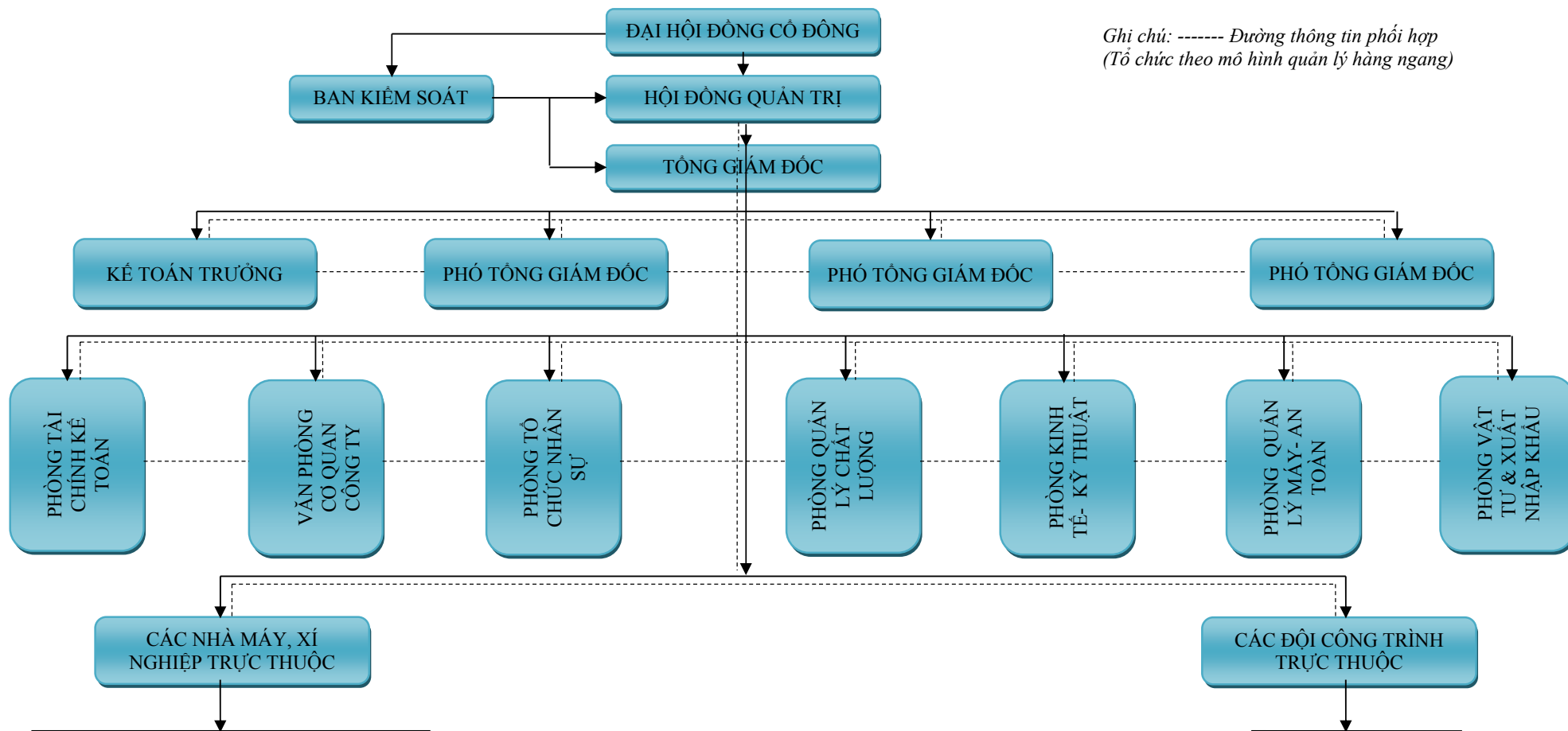
Công ty Cổ phần LILAMA 69-1 hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn khắp đất nước Việt Nam, cụ thể Công ty đã và tiến hành thi công các công trình tại các tỉnh: Bắc Ninh, Quảng Ninh, Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Quảng Nam, Bình Phước, Lào Cai, Hà Nội, Hải Phòng, Thái Bình, Quảng Ngãi, Cần Thơ, Kiên Giang, Lâm Đồng, Trà Vinh, ...

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1. Về mô hình quản trị

Công ty hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần được quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2005 và được sắp xếp, cơ cấu lại theo Đề án Tái cấu trúc và nâng cao năng lực quản trị Công ty giai đoạn 2012-2015, định hướng đến năm 2020 mà Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 đã thông qua; theo đó sơ đồ tổ chức của Công ty như sau:

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY



- Nhà máy chế tạo thiết bị & kết cấu thép Bắc Ninh (Trụ sở: Khu công nghiệp Quê Võ-Bắc Ninh)
 - Xí nghiệp lắp máy Sao Mai (Không có trụ sở, văn phòng xí nghiệp lưu động gắn liền với các dự án mà Công ty tham gia thi công; doanh thu thực hiện hàng năm bằng 34% tổng doanh thu của công ty)

- Đội hàn (chuyên trách)
 - 09 Đội công trình

4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý

Cơ cấu tổ chức của Công ty gồm các bộ phận sau:

Công ty được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo Luật doanh nghiệp năm 2005, các Luật khác có liên quan và Điều lệ của Công ty

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Ban điều hành;
- Khối tham mưu giúp việc: Có 07 phòng chức năng, gồm các phòng Tổ chức nhân sự, Tài chính kế toán, Kinh tế Kỹ thuật, Văn phòng Công ty, Quản lý chất lượng, Vật tư - xuất nhập khẩu, Quản lý máy- An toàn
- Khối trực tiếp sản xuất: Tổ chức các đơn vị trực tiếp sản xuất của Công ty bao gồm 01 xí nghiệp, 01 nhà máy và 10 đội sản xuất:
 1. Xí nghiệp Lắp máy Sao Mai
 2. Nhà máy chế tạo Thiết bị & Kết cấu thép Bắc Ninh
 3. Đội lắp máy số 1, số 2, số 3, số 4, số 5, số 6, số 7, số 8, số 9 và đội Hàn
- Các công ty liên kết và đầu tư dài hạn:
 1. Công ty cổ phần Thủy điện Hùng Lợi
 2. Công ty cổ phần Thủy điện VIWASEEN-Tây Bắc

4.3. Các công ty con, công ty liên kết**a) Công ty Cổ phần thủy điện VIWASEEN - Tây Bắc (Công ty liên kết)**

- Địa chỉ: 144 đường Trường Chinh, phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính:

- + Đầu tư các công trình thủy điện.
- + Kinh doanh sản xuất điện năng.
- + Khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản.
- + Xây dựng công trình giao thông.
- + Đầu tư tài chính
- + Đầu tư xây dựng các công trình cấp, thoát nước, xử lý nước.

- Vốn điều lệ: 150.000.000.000 đồng (Một trăm năm mươi tỷ đồng)

- LILAMA 69-1 tham gia góp vốn: 5.500.000.000 đồng chiếm 3,67% vốn điều lệ.

b) Công ty Cổ phần thủy điện Hùng Lợi (Công ty liên kết)

- Địa chỉ: xã Hùng Lợi, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang,

- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính:

- + Đầu tư công trình nguồn và lưới điện,
- + Sản xuất kinh doanh điện năng,
- + Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa các công trình thủy điện.

- Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng (Ba mươi tỷ đồng)
- LILAMA 69-1 tham gia góp vốn: 300.000.000 đồng, chiếm 1% vốn điều lệ.

5. Định hướng phát triển

5.1. Mục tiêu tổng quát

- Phát huy tối đa lợi thế, năng lực sở trường, những thành tựu đã đạt được để tận dụng tối đa giá trị thương hiệu LILAMA 69-1; xây dựng, nâng cao chất lượng nguồn lực để tạo ra năng lực cạnh tranh lớn trên thị trường trong nước và ngoài nước; hướng đến khẳng định Lilama69-1 là thương hiệu hàng đầu tại Việt Nam với vai trò tổng thầu EPC và thực hiện dịch vụ bảo trì, sửa chữa theo nhóm ngành năng lượng điện (Nhiệt điện, Thủy điện, Điện khí, Phong điện, Điện khác)

- LILAMA 69-1 xác định tập trung vào 02 ngành kinh doanh chính là: (1) Tổng thầu EPC điện; (2) Bảo trì, sửa chữa cho các nhà máy đang vận hành.

5.2. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

*** Mục tiêu về ngành nghề kinh doanh:**

- Tập trung vào 02 ngành kinh doanh chính là: (1) Tổng thầu EPC điện; (2) Bảo trì, sửa chữa cho các nhà máy đang vận hành nhằm đảm bảo tốc độ tăng trưởng doanh thu từ 15% - 20%.

*** Giai đoạn từ 2015-2020**

Tiếp tục giữ vững thị trường hiện có, đồng thời tăng thị phần ngành lắp máy; bảo trì, sửa chữa; chế tạo thiết bị cơ khí cho các dự án nhiệt điện đốt than, dầu khí, hóa chất.

Hợp tác với các nhà thầu có uy tín trên thế giới để tham gia là thành viên trong Tổng thầu EPC thực hiện các dự án trong nước và các nước trong khu vực.

*** Giai đoạn từ 2020 trở đi**

Tập trung thực hiện ngành tổng thầu EPC điện (theo nhóm ngành năng lượng điện).

*** Mục tiêu về tài chính:**

Nhận chuyển nhượng phần vốn của Tổng công ty lắp máy Việt nam tại 05 công ty thành viên có cùng ngành kinh doanh chính với Lilama69-1 thông qua hình thức hoán đổi cổ phiếu.

Thoái hết vốn tại 02 (hai) công ty: Công ty cổ phần thủy điện VIWASEEN, Công ty cổ phần thủy điện Hùng Lợi.

Tái cấu trúc nợ bằng Phương thức thay các khoản vay ngắn hạn lãi xuất cao bằng các khoản vay dài hạn lãi xuất hợp lý; trên cơ sở đó cải thiện dòng tiền, nâng cao nguồn lực tài chính đáp ứng cho sản xuất kinh doanh.

Xây dựng nền tài chính lành mạnh, ổn định, bền vững.

*** Mục tiêu về cơ cấu tổ chức:**

Xây dựng cơ cấu tổ chức mới, tinh gọn, phù hợp với vai trò “công ty nòng cốt” để thực hiện ngành kinh doanh chính là tổng thầu EPC điện.

*** Mục tiêu về quản trị**

Hệ thống quản trị công ty theo thông lệ quốc tế tốt nhất, tuân thủ quy định của Luật doanh nghiệp năm 2014 (có hiệu lực từ ngày 01/7/2015).

*** Mục tiêu nguồn nhân lực**

Xây dựng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là cán bộ kỹ thuật, khoa học, công nghệ để đáp ứng cho việc thực hiện ngành kinh doanh chính (tổng thầu EPC điện) trên cơ sở kế hoạch phát triển quy mô sản xuất và doanh thu.

Xây dựng bộ máy quản lý tinh gọn, hiệu quả để giảm tỷ lệ lao động gián tiếp từ 15,25% xuống còn 12,5%.

Nâng cao năng suất lao động nhằm nâng cao hiệu quả công việc của người lao động và đảm bảo tăng mức thu nhập bình quân cho người lao động.

5.3. Chiến lược phát triển**+ Chiến lược định hướng:**

Xây dựng LILAMA 69-1 trở thành doanh nghiệp có nền tảng tài chính lành mạnh, phát triển ổn định, tăng trưởng bền vững nhằm có đủ năng lực và điều kiện tiếp nhận, quản lý phần vốn của Tổng công ty lắp máy Việt Nam tại 05 công ty thành viên có cùng ngành sản xuất kinh doanh chính; đồng thời tiếp nhận vai trò tổng thầu EPC điện từ Tổng công ty lắp máy Việt Nam.

+ Chiến lược kinh doanh theo ngành:

LILAMA 69-1 xác định tập trung vào 02 ngành kinh doanh chính: (1) Tổng thầu EPC điện; (2) Bảo trì, sửa chữa các nhà máy điện đang vận hành.

Ngành EPC điện sẽ là ngành kinh doanh đóng góp giá trị doanh thu lớn nhất của Lilama69-1, định hướng của LILAMA 69-1 là đầu tư để tăng trưởng.

Ngành bảo trì, sửa chữa các nhà máy điện đang vận hành là ngành có cơ hội và tiềm năng lớn, bởi có hàng chục nhà máy điện đã và đang được đầu tư xây dựng. Đây là ngành đảm bảo doanh thu ổn định; chi phí đầu vào thấp nên hiệu quả kinh doanh cao.

+ Chiến lược quản lý tổng thể:

Với mô hình mới, giữ vai trò “công ty nòng cốt” kinh doanh theo nhóm ngành mà Tổng công ty lắp máy Việt Nam đã định hướng; đồng thời tiếp nhận quản lý phần vốn của Tổng công ty tại 05 công ty thành viên; LILAMA 69-1 xác định:

- Chuẩn hóa và nâng cao năng lực quản trị công ty, cơ cấu lại mô hình quản lý nhằm phối hợp hoạt động, sử dụng nguồn lực, xây dựng năng lực giữa các ngành kinh doanh chính để đạt hiệu quả sản xuất kinh doanh cao nhất.

- Từng bước tiếp nhận sự chuyển giao hoạt động sản xuất kinh doanh từ Tổng công ty lắp máy Việt Nam thông qua việc thay thế Tổng công ty ký kết các hợp đồng theo nhóm ngành kinh doanh đã được Tổng công ty định hướng.

6. Các rủi ro**6.1. Đối với lĩnh vực kinh doanh của Công ty Cổ phần LILAMA 69-1 thì các rủi ro có thể xảy đến với Công ty**

rủi ro được nhận dạng và phân loại theo hai phương diện.

- * Khách quan: Là những rủi ro xuất hiện nằm ngoài tầm kiểm soát của Lilama69-1:

- Rủi ro từ chính sách
- Rủi ro từ các sự kiện bất khả kháng

- * Chủ quan: Là những rủi ro nảy sinh từ trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, bao gồm nhưng không giới hạn:

- Rủi ro trong hoạt động quản trị, điều hành
- Rủi ro trong quản lý tài chính, kế toán
- Rủi ro trong lĩnh vực đầu tư
- Rủi ro trong đấu thầu.
- Rủi ro trong ký kết và thực hiện hợp đồng kinh tế
- Rủi ro trong tuyển dụng và quản lý nhân sự
- Rủi ro trong tổ chức thi công.

6.2. Đánh giá và ứng phó với các rủi ro:

Với triết lý là rủi ro tồn tại song song với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, vì vậy trong các trường hợp cụ thể, trên cơ sở đánh giá mức độ rủi ro, cân đối với lợi ích toàn diện về tài chính, cơ hội ..., lãnh đạo LILAMA 69-1 có các phương án ứng phó rủi ro khác nhau như:

- Chấp nhận rủi ro nếu thấy có thể kiểm soát được
- Giảm thiểu rủi ro nếu chưa có giải pháp kiểm soát toàn bộ
- Chuyển/chia sẻ rủi ro nếu không muốn và/hoặc không thể chấp nhận toàn bộ
- Né tránh rủi ro nếu không có giải pháp kiểm soát.

PHẦN II

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2015

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Bước vào năm 2015, LILAMA 69-1 triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh trong điều kiện có một số khó khăn nhất định như: thiếu đội ngũ công nhân lành nghề, thiếu cán bộ quản lý và kỹ sư kỹ thuật có trình độ, kinh nghiệm, tư duy quản lý, ngoại ngữ đáp ứng được yêu cầu công việc tại các đơn vị sản xuất; Lực lượng lao động của Công ty với tuổi đời và tuổi nghề còn non trẻ nên ý thức tổ chức kỷ luật còn rất nhiều hạn chế... Tuy nhiên, trong năm 2015 với sự đoàn kết nhất trí cao của tập thể người lao động, cùng với sự năng động, tâm huyết của Ban lãnh đạo, sự phối hợp chặt chẽ của các tổ chức đoàn thể, Công ty Cổ phần LILAMA 69-1 đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu năm 2015 đề ra.

Tổng hợp một số chỉ tiêu kinh tế chủ yếu năm 2015 của Công ty đạt được như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Kế hoạch 2015	Thực hiện cả năm 2015	% TH cả năm so với KH năm 2015
1	Giá trị sản lượng	937.500	940.436	100,37%
2	Doanh thu	820.000	862.867	105,23%
3	Lợi nhuận trước thuế	21.200	21.754	102,84%
4	Nộp ngân sách nhà nước (số phải nộp)	38.710	35.124	90,74%
5	Đầu tư phát triển	57.950	53.426	92,19%
6	Tổng số lao động BQ (người)	2.860	3.125	109,27%
7	Thu nhập BQ/Người/Tháng	8.00	8.00	100%

Chi tiết xin xem phần III – Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành

Ông Ngô Quốc Thịnh - Tổng giám đốc Công ty

- Chức vụ hiện tại:	- Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần LILAMA 69-1 - Tổng giám đốc Công ty Cổ phần LILAMA 69-1
- Ngày tháng năm sinh:	09/01/1972
- Nơi sinh:	Văn Chấn - Yên Bái
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	Số 50 Vương Văn Trà - Phường Suối Hoa - Thành phố Bắc

	Ninh - Tỉnh Bắc Ninh	
- Số CMND:	125362494 do công an tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 11/7/2006	
- Trình độ văn hóa:	12/12	
- Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư điện	
- Trình độ lý luận chính trị:	Cao cấp	
- Tỷ lệ cổ phần sở hữu của bản thân và những người có liên quan		
+ Đại diện phần vốn của Tổng công ty lắp máy Việt Nam:		1.052.250 CP
Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ		15 %
+ Sở hữu cá nhân:		200.200 CP
Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ		2,85%

Ông Hà Văn Mỹ - Phó Tổng giám đốc

- Chức vụ hiện tại:	- Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần LILAMA 69-1 - Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần LILAMA 69-1 - Chủ tịch Công đoàn Công ty Cổ phần LILAMA 69-1	
- Ngày tháng năm sinh:	03/07/1956	
- Nơi sinh:	Ninh Giang - Hải Dương	
- Quốc tịch:	Việt Nam	
- Dân tộc:	Kinh	
- Địa chỉ thường trú:	Số 27 - Vũ Giới – Phường Suối Hoa – Thành phố Bắc Ninh - Tỉnh Bắc Ninh	
- Số CMND:	141752 013 do công an tỉnh Hải Hưng cấp ngày 12/04/1993	
- Trình độ văn hóa:	10/10	
- Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư điện	
- Trình độ lý luận chính trị:	Cao cấp	
- Tỷ lệ cổ phần sở hữu của bản thân và những người có liên quan:		
+ Đại diện phần vốn của Tổng công ty lắp máy Việt Nam:		0 CP
Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ		0 %
+ Sở hữu cá nhân:		60.000 CP
Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ		0,86%

Ông Đoàn Tâm - Phó Tổng giám đốc

- Chức vụ hiện tại:	Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần LILAMA 69-1
- Ngày tháng năm sinh:	25/01/1961
- Nơi sinh:	Quỳnh Phụ - Thái Bình
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	Khu tập thể Công ty Cổ phần LILAMA 69-1 - phường Đại

	Phúc - Thành phố Bắc Ninh - Tỉnh Bắc Ninh	
- Số CMND:	125299979 do công an tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 31/01/2005	
- Trình độ văn hóa:	10/10	
- Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư cơ khí chế tạo máy	
- Trình độ lý luận chính trị:	Trung cấp	
- Tỷ lệ cổ phần sở hữu của bản thân và những người có liên quan		
+ Đại diện phần vốn của Tổng công ty lắp máy Việt Nam:	0 CP	
Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ	0 %	
+ Sở hữu cá nhân:	10.000 CP	
Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ	0,14%	

Ông Phạm Thế Kiên - Phó Tổng giám đốc

- Chức vụ hiện tại:	- Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần LILAMA 69-1	
- Ngày tháng năm sinh:	05/11/1969	
- Nơi sinh:	Bắc Giang	
- Quốc tịch:	Việt Nam	
- Dân tộc:	Kinh	
- Địa chỉ thường trú:	Ngõ 3 phố Hoàng Hoa Thám, Thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang	
- Số CMND:	121550566 do công an tỉnh Bắc Giang cấp ngày 15/8/2009	
- Trình độ văn hóa:	10/10	
- Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư cơ khí chế tạo máy	
- Trình độ lý luận chính trị:	Sơ cấp	
- Tỷ lệ cổ phần sở hữu của bản thân và những người có liên quan		
+ Đại diện phần vốn của Tổng công ty lắp máy Việt Nam:	0 CP	
Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ	0 %	
+ Sở hữu cá nhân:	41.500 CP	
Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ	0,59%	

Ông Dương Thanh Phương - Phó Tổng giám đốc

- Chức vụ hiện tại:	- Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần LILAMA 69-1 - Giám đốc xí nghiệp lắp máy Sao Mai	
- Ngày tháng năm sinh:	21/03/1979	
- Nơi sinh:	Thái Nguyên	
- Quốc tịch:	Việt Nam	
- Dân tộc:	Kinh	
- Địa chỉ thường trú:	Tổ 2 Phường Mỏ Chè – Thành phố Sông Công – Tỉnh Thái Nguyên	

- Số CMND:	90688887
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư cơ khí chế tạo máy
- Trình độ lý luận chính trị:	Sơ cấp
- Tỷ lệ cổ phần sở hữu của bản thân và những người có liên quan	
+ Đại diện phần vốn của Tổng công ty lắp máy Việt Nam:	0 CP
Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ	0 %
+ Sở hữu cá nhân:	0 CP
Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ	0 %

Bà Nguyễn Thị Quế - Kế toán trưởng

- Chức vụ hiện tại:	- Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần LILAMA 69-1 - Kế toán trưởng Công ty Cổ phần LILAMA 69-1
- Ngày tháng năm sinh:	23/04/1978
- Nơi sinh:	Thị trấn Lim - Huyện Tiên Du - Tỉnh Bắc Ninh
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	Số 20 đường Võ Cường 25, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
- Số CMND:	125618012 do công an tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 30/12/2010
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ kinh tế
- Trình độ lý luận chính trị:	Trung cấp
- Tỷ lệ cổ phần sở hữu của bản thân và những người có liên quan	
+ Đại diện phần vốn của Tổng công ty lắp máy Việt Nam:	701.500 CP
Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ:	10%
+ Sở hữu cá nhân:	25.000 CP
Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ	0,36%

2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành

Trong năm 2015 trong Ban điều hành của Công ty có sự thay đổi như sau:

- Ngày 12/08/2015, Hội đồng quản trị đã ký quyết định số 47/QĐ-HĐQT về việc: Bổ nhiệm chức vụ Phó tổng giám đốc đối với ông Dương Thanh Phương.

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với Người lao động

- Tổng số lao động đến ngày 31/12/2015 là 3.529 người, trong đó có 3.305 nam, 224 nữ; trình độ trên đại học 04 người; trình độ đại học 401 người; trình độ cao đẳng, trung cấp 2.270 người; công nhân kỹ thuật bậc 5 trở lên là 220 người.

- Chính sách đối với người lao động:

+ Về tiền lương: Hiện nay, Công ty đang áp dụng hệ thống lương theo tính chất công việc. Đối với công nhân trực tiếp sản xuất áp dụng lương khoán theo khối lượng công

việc hoàn thành trong tháng. Đối với cán bộ công nhân viên gián tiếp, nghiệp vụ hưởng lương theo công việc và căn cứ vào trình độ, năng lực và hiệu quả công việc được giao. Hiện tại, Công ty đang tiến hành xây dựng khung năng lực cho tất cả các vị trí công việc trong Công ty, lấy đó làm căn cứ để trả lương theo vị trí, đánh giá nhân viên, xây dựng hệ thống khen thưởng, kỷ luật, thăng tiến...

+ Về công tác đào tạo: Với mục tiêu hướng đến kỹ năng chuyên môn hóa cao trong tất cả các bộ phận công tác, Công ty luôn khuyến khích người lao động nâng cao năng lực nghiệp vụ, chuyên môn để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ tốt nhất. Cụ thể, trong năm 2015, Công ty đã tổ chức các lớp đào tạo cho CBCNV như sau:

- + Công ty đã cử các lãnh đạo chủ chốt tham gia các lớp tập huấn về quản trị công ty: Quản trị nhân sự; quản trị tài chính; quản trị rủi ro; tái cấu trúc doanh nghiệp do các chuyên gia của Tập đoàn GE, của Công ty Ernst & Young và của Trường Đại học Ngân hàng TP Hồ Chí Minh giảng.
- + Công ty đã cử 02 cán bộ quản lý (01 Phó Tổng giám đốc và 01 Trưởng phòng) đi học lớp đào tạo Giám đốc điều hành; 07 cán bộ quản lý đi học lớp đào tạo về Giám đốc nhân sự; 05 cán bộ quản lý cấp trung của Công ty được cử đi học về quản lý thi công tại Nhật Bản.
- + Cử 02 kỹ sư đi Hitachi (Nhật Bản) đào tạo 01 năm về thi công NM điện hạt nhân.
- + Đào tạo nhận thức CNKT mới tuyển dụng cho 329 người
- + Đào tạo kỹ năng cầu chuyên cho 18 công nhân kỹ thuật
- + Đào tạo nhận thức cho 18 kỹ sư mới tuyển dụng
- + Đào tạo kỹ năng giải đoán hình ảnh (RT) cho 10 kỹ sư
- + Cử 10 kỹ sư đi đào tạo 06 tháng về công nghệ sửa chữa nhà máy lọc dầu.

Trong thời gian tới, Công ty tiếp tục tổ chức các lớp học, thi nâng cao tay nghề, bậc kỹ thuật, tạo ra phong trào học tập đi đôi với sáng tạo trong lao động sản xuất, phục vụ tốt cho mục tiêu phát triển lâu dài của Công ty.

+ Về chính sách khen thưởng: Để khuyến khích người lao động, Công ty có những chính sách khen thưởng xứng đáng với cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, bên cạnh đó Công ty cũng áp dụng các quy định xử phạt đối với các hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động, hình ảnh của Công ty.

+ Công tác đời sống đối với CBCNV Công ty luôn quan tâm, đảm bảo cho người lao động làm việc và thu nhập đúng với kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty, mức thu nhập bình quân một người/tháng đảm bảo, tiền lương bình quân cho người lao động/năm bằng một tháng lương bình quân của năm.

+ Công ty hàng năm đều tổ chức cho CBCNV đi tham quan, du lịch, nghỉ mát. Hàng tháng Công ty đều thực hiện việc tổ chức sinh nhật cho Người lao động trong toàn Công ty.

+ Trợ cấp khó khăn cho cán bộ công nhân viên có hoàn cảnh khó khăn thường xuyên, kịp thời, đúng đối tượng. Công ty xây dựng quỹ tình nghĩa lắp máy, quỹ xóa đói giảm nghèo, luôn đảm bảo kinh phí để chi cho công tác này hàng năm.

+ Công tác BHXH, Bảo hiểm thất nghiệp được Công ty luôn chấp hành đầy đủ 100%, thực hiện đúng chế độ chính sách đối với người lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Đầu tư máy móc thiết bị phục vụ thi công:

Triển khai nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015, Công ty đã tập trung vào việc đầu tư mua sắm máy móc thiết bị để nâng cao năng lực thi công lắp đặt tại các công trình. Với các máy móc thiết bị đã được đầu tư như: Xe cầu thủy lực bánh lốp 70 tấn, 04 xe ô tô bán tải, 01 xe ô tô 7 chỗ ngồi, 03 xe ô tô tải có gắn cầu tự hành 5 tấn, 02 xe ô tô tải có gắn cầu tự hành 10 tấn, 01 máy khoan CNC 1 đầu khoan, 02 máy vát mép tôn tấm, 120 chiếc máy hàn TIG và MIG, 01 công trục 10 tấn, 01 máy nén khí trục vít chạy điện, 02 máy hàn cần cột... Tổng vốn đầu tư mua sắm máy móc thiết bị nhằm nâng cao năng lực thi công năm 2015 đạt **53,42 tỷ đồng**.

Việc triển khai thực hiện các dự án đầu tư của Công ty luôn tuân thủ nghiêm túc trình tự, thủ tục theo quy định của Nhà nước và của Tổng công ty về quản lý đầu tư.

Bảng chi tiết danh mục các thiết bị đã đầu tư trong năm 2015

TT	Danh mục thiết bị đã đầu tư trong năm 2015	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị thực hiện (VND)
I	Phương tiện cơ giới			
1	Xe ô tô con, ô tô bán tải	chiếc	05	3.623.100.000
II	Phương tiện kéo, nâng hạ, vận chuyển			
1	Xe cầu tự hành 5 tấn	chiếc	03	6.670.800.000
2	Xe cầu tự hành 10 tấn	chiếc	02	5.610.000.000
3	Xe cầu bánh lốp 70 tấn	chiếc	01	12.485.000.000
4	Công trục 10 tấn	chiếc	01	1.800.000.000
5	Cần cầu tháp 50 tấn	chiếc	01	8.067.539.900
III	Đầu tư thiết bị phục vụ nâng cao công tác gia công chế tạo			
1	Hệ thống phun bi tự động	hệ thống	02	4.096.006.200
2	Máy nén khí trục vít chạy điện	chiếc	01	715.000.000
3	Máy khoan thép tấm	chiếc	01	1.345.036.000
4	Máy vát mép tôn	chiếc	02	892.100.000
5	Máy hàn cần cột chuyên dụng	bộ	02	1.810.974.000
IV	Các loại máy phục vụ thi công khác			
1	Máy hàn TIG, MIG, hàn tự động, hàn điện các loại, máy nén khí loại nhỏ	chiếc	120	4.241.968.000
2	Pa lăng, tời lắc các loại	chiếc	235	784.300.000
3	Tủ điện ngoài trời (PL1 và PL2)	chiếc	40	1.284.469.934
TỔNG CỘNG				53.426.294.034

3.2. Đầu tư xây dựng cơ bản

Trong năm 2015, Công ty không thực hiện việc đầu tư xây dựng cơ bản.

3.3. Tình hình hoạt động và tình hình tài chính của công ty con, công ty liên kết:

c) Công ty Cổ phần thủy điện VIWASEEN - Tây Bắc

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2015 như sau:

Nội dung	Năm 2015 (VND)	Năm 2014 (VND)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	132.673.704.366	108.241.974.965
2. Các khoản giảm trừ		
3. Doanh thu thuần bán hàng	132.673.704.366	108.241.974.965

4. Giá vốn hàng bán	54.646.296.281	54.651.719.956
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng	78.027.408.085	53.590.255.000
6. Doanh thu hoạt động tài chính	72.131.582	373.757.986
7. Chi phí tài chính	47.337.196.109	57.901.618.975
8. Chi phí bán hàng		
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.235.544.632	3.871.306.619
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	27.526.798.926	(7.808.912.599)
11. Thu nhập khác	20.140.993	1.677
12. Chi phí khác	2.124.747.810	
13. Lợi nhuận khác	(2.104.606.817)	1.677
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	25.422.192.109	(7.808.910.922)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành		
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	25.422.192.109	(7.808.910.922)

b) Công ty Cổ phần Thủy điện Hùng Lợi

Công ty Cổ phần thủy điện Hùng Lợi vẫn đang trong giai đoạn triển khai thực hiện đầu tư xây dựng Nhà máy thủy điện Hùng Lợi, tuy nhiên quá trình triển khai dự án với tiến độ rất chậm chạp do thiếu vốn.

4. Tình hình tài chính Công ty Cổ phần LILAMA 69-1

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% Tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	667.854.764.637	841.543.022.883	+26,01
Doanh thu	829.201.500.212	862.866.910.671	+4,06
Thuế và các khoản phải nộp	13.223.976.640	11.369.175.198	-14,03
Lợi nhuận trước thuế	20.836.642.784	21.754.769.841	+4,41
Lợi nhuận sau thuế	16.379.471.946	17.051.220.476	+4,10

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,02	1,33	
+ Hệ số thanh toán nhanh			
Tài sản ngắn hạn -Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	0,60	0,56	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,802	0,832	
+ Hệ số Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	4,06	4,96	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			

Giá vốn hàng bán	3,62	2,57	
Hàng tồn kho bình quân			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,24	1,03	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,02	0,02	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	0,124	0,121	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	0,025	0,020	
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,025	0,025	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

(Theo Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán số V403/2016-L61/VSD-ĐK do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp chốt tại ngày 04/04/2016)

5.1. Cổ phần

Tổng số cổ phần đã lưu ký:	6.449.334 cổ phần
Tổng số cổ phần chưa lưu ký:	565.666 cổ phần
Tổng số cổ phần đang lưu hành:	7.015.000 cổ phần
Loại cổ phiếu đang lưu hành:	Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do:	7.015.000 cổ phần
Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng:	Không có

5.2. Cơ cấu cổ đông

a) Phân loại theo tiêu chí sở hữu

Tên tiêu chí	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
Cổ đông lớn	01	3.577.650	51
Cổ đông nhỏ	882	3.437.350	49
Tổng cộng	883	7.015.000	100

b) Phân loại theo tiêu chí cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân

Tên tiêu chí	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
Cổ đông tổ chức	12	4.135.759	58,96
Cổ đông cá nhân	871	2.879.241	41,04
Tổng cộng	883	7.015.000	100,00

c) Phân loại theo tiêu chí cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài

Tên tiêu chí	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
Cổ đông trong nước	878	6.650.200	94,80
Cổ đông nước ngoài	05	364.800	5,20
Tổng cộng	883	7.015.000	100,00

d) Phân loại theo tiêu chí cổ đông nhà nước và cổ đông khác

Tên tiêu chí	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
Cổ đông nhà nước	01	3.577.650	51

Cổ đông khác	882	3.437.350	49
Tổng cộng	883	7.015.000	100

e) Danh sách cổ đông lớn

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ
1	Tổng công ty lắp máy Việt Nam	124 Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	3.577.650	51%

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có sự thay đổi

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

5.5. Chứng khoán khác: Không có

PHẦN III

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2015, Công ty đã thi công trên 20 công trình, hạng mục công trình lớn nhỏ trải dài trên 12 tỉnh thành của đất nước.

a) Đối với lĩnh vực lắp đặt:

Trong năm 2015, Công ty tập trung thi công các công trình trọng điểm như: Dự án lọc hóa dầu Nghi Sơn, dự án nhiệt điện Thái Bình 2; hoàn thiện dự án nhiệt điện Mông Dương 1&2, nhiệt điện Vũng Áng 1, dự án nhiệt điện Nông Sơn, dự án Soda Chu Lai, dự án thu gom và phân phối khí mỏ Hàm Rồng và mỏ Thái Bình; dự án DAP2 Lào Cai, dự án nhiệt điện đốt rác Sóc Sơn (Hà Nội). Ngoài ra, Công ty còn hoàn thành một số hợp đồng thi công các dự án mới ký trong năm 2015 như: Viglacera Thái Bình, Niwa Foundry. Nhìn chung các dự án đều đảm bảo chất lượng và tiến độ.

Một số khối lượng công việc chính trong lĩnh vực lắp đặt năm 2015 là:

- Lắp đặt kết cấu thép: 12.288 tấn
- Lắp đặt thiết bị: 21.182 tấn
- Lắp đặt ống: 300.270 ID

Doanh thu trong lĩnh vực xây lắp năm 2015 của Công ty đạt 674 tỷ đồng chiếm 78,13% trong cơ cấu doanh thu.

b) Đối với lĩnh vực gia công chế tạo:

Năm 2015, tại Nhà máy chế tạo thiết bị và kết cấu thép của Công ty thực hiện công tác gia công, chế tạo thiết bị và kết cấu thép cho các dự án: Kawasaki, chế tạo kết cấu thép xuất khẩu cho đối tác IHI, cho Niwa Foundry, dự án Viglacera Thái Bình, gia công chế tạo bồn bể cho đối tác Samsung, Inoac Việt Nam, Chế tạo Fire heater xuất khẩu, chế tạo duct, kết cấu thép dự án Lọc hóa dầu Nghi Sơn và một số công trình khác. Ngoài ra, tại công trường nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn và xưởng chế tạo Phà Rừng cũng tiến hành việc gia công chế tạo ống phục vụ cho dự án.

Doanh thu trong lĩnh vực gia công chế tạo năm 2015 là 49 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 5,69% tổng doanh thu.

c) Lĩnh vực sửa chữa bảo dưỡng:

Công ty đã thực hiện sửa chữa bảo dưỡng tại các nhà máy nhiệt điện Cẩm Phả, nhà máy nhôm Tân Rai – Lâm Đồng, nhà máy Nhiệt điện Mông Dương 1&2, Nhiệt điện Mạo Khê, Nhiệt điện Sơn Động, Xi măng Tân Quang, Xi măng Quán Triều...

Doanh thu trong lĩnh vực sửa chữa, bảo dưỡng đạt 95,5 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 11,07% trong tổng doanh thu năm 2015.

d) Lĩnh vực sản xuất kinh doanh khác

Chủ yếu là hoạt động kinh doanh xăng dầu, vật tư kim khí, vật liệu xây dựng tại cửa hàng kinh doanh tổng hợp tại Khu công nghiệp Quế Võ - Bắc Ninh. Giá trị sản xuất ước tính đạt 44 tỷ đồng, chiếm 5,11% trong cơ cấu doanh thu năm 2015.

e) Công tác tiếp thị tìm kiếm việc làm

Để tăng cường công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty một cách hiệu quả, Công ty đã tiếp tục ban hành mới, đồng thời tiến hành sửa đổi các quy chế, quy định nội bộ như sau: Quy trình quản lý chi phí sản xuất, điều chỉnh và sửa đổi quy định về mua sắm, cấp phát và sử dụng vật tư hàng hóa, quy trình tìm kiếm, ký kết hợp đồng và quản lý nhà thầu phụ, quy chế đánh giá, phân loại cán bộ quản lý.

Năm 2015 cũng là năm mà Ban điều hành hết sức chú trọng đến việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực bằng cách mở nhiều lớp đào tạo nội bộ và cử các cán bộ công nhân viên đi đào tạo ở bên ngoài để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao trình độ ngoại ngữ v.v...

Công tác thống kê, kế hoạch cũng đã có một số chuyển biến tích cực nhất định nhằm tạo cơ sở dữ liệu cho việc điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

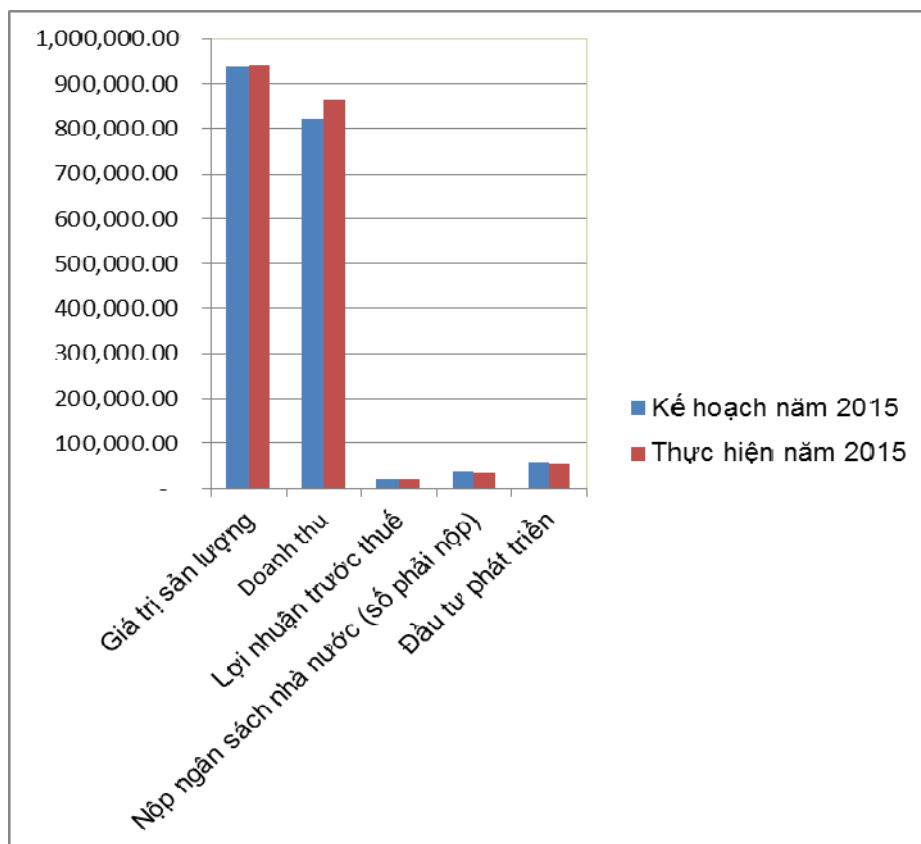
f) Công tác tiếp thị tìm kiếm việc làm

Đây là công tác thu được nhiều thành quả tích cực nhất trong năm 2015. Bằng sự nỗ lực của Ban lãnh đạo Công ty kết hợp cùng với Ban Marketing và các đơn vị sản xuất nên đã mang lại một số kết quả tích cực khi thực hiện ký kết được nhiều hợp đồng có giá trị kinh tế lớn như: dự án nhà máy gạch Viglacera Thái Bình, dự án Niwa Foundry, dự án nhiệt điện Duyên Hải 3, chế tạo xuất khẩu 02 bộ Fire Heater cho đối tác Kirchner (Italia) và là thành viên trong tổ hợp nhà thầu TTCL/K-UTEC/CECO/TVC/Lilama 69-1 thực hiện gói thầu EPC số 10 với Tập đoàn hóa chất Việt Nam về việc “Thiết kế, cung cấp thiết bị, xây lắp, đào tạo, chuyển giao công nghệ nhà máy khai thác và chế biến muối mỏ công suất 320.000 tấn/năm tại Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào”, chế tạo hệ thống Duct xuất khẩu cho đối tác GEA và một số công trình, dự án khác.

Một số chỉ tiêu kinh tế chủ yếu năm 2015 của Công ty đạt được như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Kế hoạch 2015	Thực hiện cả năm 2015	% TH cả năm so với KH năm 2015
1	Giá trị sản lượng	937.500	940.436	100,37%
2	Doanh thu	820.000	862.867	105,23%
3	Lợi nhuận trước thuế	21.200	21.754	102,84%
4	Nộp ngân sách nhà nước (số phải nộp)	38.710	35.124	90,74%
5	Đầu tư phát triển	57.950	53.426	92,19%
6	Tổng số lao động BQ (người)	2.860	3.125	109,27%
7	Thu nhập BQ/Người/Tháng	8.00	8.00	100%



Biểu đồ so sánh các chỉ tiêu kinh tế giữa kết quả thực hiện năm 2015 với kế hoạch năm 2015 đề ra

* Đánh giá về những khó khăn và thuận lợi trong hoạt động SXKD năm 2015.

Thuận lợi:

Công ty có các hợp đồng kinh tế lớn được chuyển tiếp từ năm 2014 sang như dự án Lọc hóa dầu Nghi Sơn, dự án nhiệt điện Thái Bình 2, các dự án này chiếm một tỷ lệ lớn trong tổng doanh thu kế hoạch năm 2015 của Công ty. Đây là một điều kiện thuận lợi lớn để Công ty đảm bảo việc làm ổn định cho người lao động.

Bằng với năng lực và kinh nghiệm, uy tín và thương hiệu của mình trong lĩnh vực lắp đặt; gia công, chế tạo; sửa chữa, bảo dưỡng các nhà máy nhiệt điện, lọc hóa dầu, hóa chất ngày càng có nhiều bạn hàng trong và ngoài nước đến làm việc và đặt mối quan hệ cùng hợp tác với Công ty tạo ra nhiều cơ hội việc làm cho Công ty. Đặc biệt trong công tác sửa chữa, bảo dưỡng các nhà máy, công trình công nghiệp tiếp tục được duy trì và phát triển trong cả năm 2015.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, tay nghề cho đội ngũ công nhân kỹ thuật mới tuyển dụng được chú trọng và bước đầu được thực hiện một cách bài bản nên đã có những chuyển biến tích cực. Qua đó giúp người lao động có được sự chuẩn bị tâm lý tốt, có nhận thức ban đầu về nghề nghiệp, được đào tạo thêm một số kỹ năng cơ bản từ đó góp phần vào việc đảm bảo tiến độ thi công tại các dự án mà Công ty đang thực hiện.

Những khó khăn, tồn tại trong hoạt động sản xuất kinh doanh:

Lực lượng lao động của Công ty với tuổi đời và tuổi nghề còn non trẻ nên ý thức tổ chức kỷ luật còn rất nhiều hạn chế, năng suất lao động chưa cao. Vì vậy, việc thực hiện các

dự án có tính chất phức tạp, yêu cầu cao như dự án lọc hóa dầu Nghi Sơn cũng là một khó khăn không nhỏ trong năm 2015.

Đơn giá ký hợp đồng của các dự án luôn phải đảm bảo tính cạnh tranh trong bối cảnh luôn có sự cạnh tranh gay gắt giữa các đơn vị cùng ngành trong việc nhận thầu các công trình xây lắp.

Công tác thu hồi vốn tại các dự án như: dự án nhiệt điện Quảng Ninh, dự án nhiệt điện Nông Sơn, nhiệt điện đốt rác Nam Sơn, đặc biệt là dự án nhiệt điện Thái Bình 2, dự án Soda Chu Lai gặp rất nhiều khó khăn do một số nguyên nhân khách quan và chủ quan dẫn đến dòng tiền để đáp ứng cho sản xuất kinh doanh gặp rất nhiều bất lợi.

Quy mô hoạt động của Công ty ngày càng phát triển cả về chiều rộng lẫn chiều sâu. Địa bàn hoạt động sản xuất trải dài trên khắp các tỉnh thành của cả nước, vì vậy đòi hỏi phải có một đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ sư kỹ thuật có kinh nghiệm và trình độ. Về mặt này Công ty còn đang thiếu, do lực lượng cán bộ kỹ thuật, quản lý hiện tại đa số còn trẻ, kinh nghiệm cũng như kỹ năng làm việc còn hạn chế.

*** Những tiến bộ đạt được trong năm 2015:**

- ✓ Tạo ra bước đột phá trong hoạt động tuyển dụng, đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.
- ✓ Là mốc son đánh dấu sự chuyển mình của Công ty trong hoạt động lắp đặt sẵn sàng tiến ra khu vực Đông Nam Á, điểm nhấn là dự án khai thác và chế biến muối mỏ tại Lào
- ✓ Chuyển biến mạnh mẽ trong hoạt động gia công, chế tạo.
- ✓ Hiện thực hóa khát vọng chiếm lĩnh thị trường sửa chữa, bảo dưỡng. Trong năm 2015. Công tác sửa chữa, bảo dưỡng của Lilama 69-1 đã giúp nhiều nhà máy sớm trở lại hoạt động, mang lại lợi ích kinh tế lớn, từ đó Lilama 69-1 ngày càng dành được nhiều sự tin tưởng từ các đối tác để thực hiện sửa chữa, bảo dưỡng các nhà máy tiếp theo.
- ✓ Là năm bản lề của hoạt động của hoạt động marketing và đấu thầu với những bước tiến lớn khi đạt được giá trị trúng thầu là 912.3 tỷ đồng, tăng 92.3 tỷ đồng so với chỉ tiêu đặt ra. Bên cạnh đó Công ty còn xây dựng mối quan hệ với nhiều đối tác khách hàng mới, duy trì và phát triển sự hợp tác với các đối tác truyền thống.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản: Chi tiết xin xem phần VI - Báo cáo tài chính

b) Tình hình nợ phải trả: Chi tiết xin xem phần VI - Báo cáo tài chính

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

3.1. Về cơ cấu tổ chức

Trong năm 2015, Công ty đã tiến hành xây dựng các vị trí làm việc, mô tả công việc của từng vị trí tại các phòng ban phù hợp với chức năng/nhiệm vụ được phân giao; trên cơ sở đó định biên, sắp xếp bố trí nhân sự cho 09 phòng ban, bao gồm: Phòng Kinh tế Kỹ thuật, Ban Marketing, Tổ chức nhân sự, Tài chính kế toán, Quản lý máy Ban An toàn, Vật tư - xuất nhập khẩu, Văn phòng Công ty, Quản lý chất lượng.

Song song với việc sắp xếp, cơ cấu lại các phòng ban, Công ty cũng thực hiện tổ chức cơ cấu lại các đơn vị trực tiếp sản xuất cho phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế. Hiện tại tổ chức các đơn vị trực tiếp sản xuất bao gồm: 09 đội sản xuất; 01 Xí nghiệp; 01 Nhà máy chế tạo thiết bị cơ khí.

3.2. Về chính sách, quản lý

Trong năm 2015, Công ty đã sửa đổi bổ sung và ban hành lại một số Quy chế, quy định nhằm quản lý, điều hành việc thực hiện chức năng nhiệm vụ của tất cả các bộ phận trong Công ty, hướng tới mục tiêu nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, xây dựng và phát triển Công ty có đủ năng lực để hội nhập trong giai đoạn tới. Cụ thể như sau:

- Quyết định số 066/QĐ-TGD ngày 16/03/2015 về việc ban hành Quy trình quản lý chi phí sản xuất.
- Quyết định số 067/QĐ-TGD ngày 16/03/2015 về việc ban hành quy định về việc mua sắm, cấp phát và sử dụng vật tư hàng hóa.
- Nội quy lao động Công ty năm 2014
- Quyết định số 243/QĐ-TGD ngày 24/08/2015 về việc ban hành quy định chế độ làm việc và phân công nhiệm vụ của Ban Tổng giám đốc Công ty.
- Quyết định số 244/QĐ-TGD ngày 24/08/2015 về việc ban hành Quy trình tìm kiếm, ký kết hợp đồng và quản lý thầu phụ.
- Quyết định số 332/QĐ-TGD ngày 04/12/2015 về việc ban hành Quy chế đánh giá, phân loại cán bộ quản lý.

Mức thu nhập và đời sống vật chất của người lao động tiếp tục được cải thiện tạo cho người lao động có tâm lý yên tâm, gắn bó lâu dài với doanh nghiệp.

Tiếp tục tăng cường các biện pháp quản lý chặt chẽ vật tư, nâng cao hiệu quả sử dụng phương tiện máy móc thiết bị để giảm chi phí sản xuất.

3.3. Các biện pháp kiểm soát

Để tăng cường công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty một cách hiệu quả, Công ty đã tiếp tục ban hành mới, đồng thời tiến hành sửa đổi các quy chế, quy định nội bộ như sau: Quy chế quản lý tài chính; quy chế quản lý nợ; nội quy lao động; xây dựng thang bảng lương của Công ty, quy chế nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn, chuyển ngạch lương đối với viên chức quản lý và người lao động; quy chế thực hiện dân chủ nơi làm việc, quy chế phân giao trách nhiệm quản lý tài sản của Công ty cho các phòng ban chức năng, quy chế phối hợp giữa Đội Hàn và các phòng ban chức năng, định mức tiêu hao nhiên liệu cho các phương tiện cơ giới, quy định về phương pháp tính bảo hiểm xã hội và đoàn phí công đoàn cho người lao động... Đồng thời tiếp tục hoàn thiện quy chế quản lý chi phí và đã ban hành vào tháng 3/2015.

Quyết liệt trong việc chỉ đạo thực hiện các giải pháp nhằm tiết giảm chi phí, cụ thể như: tăng cường công tác bảo quản, sử dụng trang thiết bị thi công, vật tư vật liệu tại các đơn vị, tỷ lệ hư hỏng, mất mát cũng giảm xuống so với những năm trước đây; sắp xếp lại tổ chức bộ máy thường xuyên đảm bảo tinh gọn tại các đơn vị sản xuất; quyết liệt thực hiện công tác thu hồi vốn, nợ đọng. Trong hoạt động tìm kiếm việc làm (công tác đấu thầu) để khắc phục các hạn chế về vấn đề năng lực.

Chú trọng đến việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực bằng cách mở nhiều lớp đào tạo nội bộ và cử các cán bộ công nhân viên đi đào tạo ở bên ngoài để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao trình độ ngoại ngữ v.v...

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

- Xây dựng hệ thống quản trị doanh nghiệp nhằm quản lý một cách đồng bộ và chặt chẽ hơn nữa.

- Tiếp tục hoàn thiện và áp dụng mạnh mẽ cơ chế khoán tới tất các đơn vị trong toàn Công ty.

- Tiếp tục đầu tư máy móc, thiết bị phục vụ thi công, đổi mới công nghệ và đưa khoa học công nghệ vào công tác quản trị doanh nghiệp nhằm đáp ứng các yêu cầu về năng lực sản xuất, tăng năng suất lao động, giảm chi phí đầu vào hạ giá thành sản phẩm góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh trong điều kiện cạnh tranh khốc liệt hiện nay.

- Từng bước nghiên cứu các cơ hội đầu tư để đầu tư sang một số ngành nghề sản xuất gần với lĩnh vực truyền thống của Công ty, hỗ trợ quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Cơ cấu lại nguồn vốn cho sản xuất và đầu tư, sử dụng linh hoạt các nguồn tiền và vốn của Công ty đảm bảo vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng dự án.

- Xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực của Công ty thông qua các chương trình đào tạo dài hạn, ngắn hạn. Đồng thời đề ra các chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện về vật chất, môi trường làm việc tốt CBCNV...

- Tìm kiếm các công việc có nguồn vốn bảo đảm, tính thanh khoản tốt.

5. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không

PHẦN IV

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Sau khi xem xét toàn diện các mặt hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị đã thống nhất đánh giá thực trạng công tác quản lý điều hành năm 2015 như sau:

- Bộ máy điều hành sản xuất từ Ban điều hành đến các tổ đội sản xuất đã có nhiều nỗ lực vượt qua khó khăn trong năm 2015. Ban lãnh đạo Công ty thường xuyên chú trọng giải quyết mọi vướng mắc tại các dự án như nguồn nhân lực, vật tư, máy móc thiết bị thi công, nguồn tài chính. Do đó đảm bảo được mục tiêu tăng trưởng, các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu đều đạt và vượt kế hoạch đề ra.

- Công tác đầu tư được thực hiện tuân thủ theo đúng quy định của nhà nước về trình tự, thủ tục. Với tính chất sản xuất không ổn định lãnh đạo Công ty luôn nắm chắc tình hình thực tế và linh hoạt điều chỉnh, quyết định việc đầu tư mua sắm máy móc thiết bị thi công để đảm bảo tính hiệu quả của đầu tư. Nhìn chung các dự án mà Công ty đầu tư đều đúng hướng, có hiệu quả và cơ bản đáp ứng kịp thời cho nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Công tác tài chính kế toán được thực hiện theo đúng quy chế quản lý tài chính, việc hạch toán kế toán theo đúng chuẩn mực kế toán hiện hành. Thực hiện đúng việc phân phối lợi nhuận và chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, thực hiện đúng chế độ hạch toán kế toán và kiểm toán hoạt động tài chính của Công ty.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc

2.1. Về ưu điểm

Trong năm 2015, Ban Tổng giám đốc Công ty đã có nhiều nỗ lực để thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 và của Hội đồng quản trị Công ty, cụ thể như sau:

- Các chủ trương, chính sách, nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị đều được Ban điều hành tổ chức triển khai đầy đủ, kịp thời.

- Các thành viên trong Ban Tổng giám đốc đều có trình độ, năng lực và phẩm chất, được đào tạo đầy đủ về chuyên môn, am hiểu về lĩnh vực được giao phụ trách và đã có nhiều năm kinh nghiệm trong quản lý và điều hành các dự án. Đồng thời, Ban Tổng giám đốc Công ty thực sự đã lăn lộn với công việc, đi sâu đi sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh tại các cơ sở, chỉ đạo quyết liệt tất cả các đơn vị trực thuộc Công ty thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Đặc biệt, trong năm qua, Ban Tổng giám đốc Công ty đã năng động, sáng tạo và có nhiều biện pháp tốt trong công tác tiếp thị, đấu thầu, mở rộng thị trường. Qua đó, Công ty không những kiếm đủ công ăn việc làm cho năm 2016 mà có đủ việc làm cho cả các năm tiếp theo.

- Năm 2015 cũng là năm mà Ban Tổng giám đốc hết sức chú trọng đến việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực bằng cách mở nhiều lớp đào tạo nội bộ và cử các cán bộ

công nhân viên đi đào tạo ở bên ngoài để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao trình độ ngoại ngữ v.v... để đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty trong thời gian tới.

2.2. Những hạn chế, tồn tại

Bên cạnh những ưu điểm đã đạt được nêu trên, Hội đồng quản trị đánh giá và nhận thấy còn một số hạn chế, tồn tại như sau:

- Doanh thu tăng trưởng nhưng hiệu quả sản xuất kinh doanh còn thấp: tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu chỉ đạt 2,52%.

- Chất lượng nguồn nhân lực đã từng bước được cải thiện, tuy nhiên vẫn chưa đạt yêu cầu, do vậy năng suất lao động còn thấp dẫn đến chi phí nhân công vẫn còn ở mức cao, chiếm 34,64% doanh thu.

- Đạt được mục tiêu bảo toàn và phát triển vốn, tuy nhiên tốc độ tăng trưởng vốn chủ sở hữu còn thấp.

- Nợ phải thu và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang vẫn ở mức cao (chiếm 78,02% tổng nguồn vốn) dẫn đến tiềm ẩn nhiều rủi ro; do vậy sự tăng trưởng phát triển Công ty chưa thực sự bền vững.

* Nguyên nhân của những hạn chế, tồn tại

Tính đến ngày 31/12/2015, hệ số Nợ vay/Vốn điều lệ = 6,05 lần, Nợ phải trả/ Vốn chủ sở hữu = 4,95 lần.

Hệ số Nợ vay/Vốn điều lệ và hệ số Nợ phải trả / Vốn chủ sở hữu là cao do:

- + Vốn điều lệ của Công ty nhỏ, cộng thêm khoản đầu tư ra ngoài doanh nghiệp giá trị là 8,3 tỷ đồng (chiếm 11,8% vốn điều lệ) dẫn đến để đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh phải vay vốn tại các tổ chức tín dụng với số dư nợ lớn, trong đó chủ yếu là vay tín dụng ngắn hạn.

- + Việc thu hồi vốn tại một số hợp đồng xây lắp bị chậm. Điều này dẫn đến nợ phải thu của khách hàng cao (chiếm đến 36.51% trên tổng doanh thu năm), Công ty phải tăng vay nợ để đáp ứng đủ yêu cầu vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

- + Lợi nhuận sau thuế hàng năm phần lớn dùng để chi trả cổ tức dẫn tới lợi nhuận tích lũy được qua các năm thấp, vốn chủ sở hữu qua các năm tăng lên không đáng kể.

- Việc thu hồi vốn tại một số hợp đồng xây lắp bị chậm. Điều này dẫn đến nợ phải thu của khách hàng cao (chiếm đến 36.51% trên tổng doanh thu năm), Công ty phải tăng vay nợ để đáp ứng đủ yêu cầu vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, do vậy nợ vay ngắn hạn tăng cao dẫn đến chi phí tài chính lớn.

- Chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng được với yêu cầu sản xuất kinh doanh, cụ thể các cán bộ, kỹ sư quản lý sản xuất thiếu kỹ năng; trình độ ngoại ngữ còn hạn chế.

* Để khắc phục những hạn chế, tồn tại nêu trên nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả và mục tiêu phát triển bền vững, trong thời gian tới Ban Tổng giám đốc cần quyết liệt thực hiện các giải pháp đã đề ra.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị đã đề ra phương hướng thực hiện nhiệm vụ năm 2016 và các năm tiếp theo như sau:

- Tăng cường chỉ đạo và giám sát việc tiếp tục triển khai thực hiện Đề án tái cấu trúc và nâng cao năng lực quản trị Công ty theo đúng nội dung và kế hoạch đã đề ra. Thông qua việc cùng với Tổng công ty lắp máy Việt Nam tham gia Dự án 3-Chương trình cải cách DNNN và hỗ trợ quản trị công ty do Bộ Tài chính và Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB) phối hợp thực hiện để xây dựng Lilama69-1 trở thành doanh nghiệp có nền tảng tài chính lành mạnh; có nguồn nhân lực chất lượng cao; được trang bị máy móc, thiết bị thi công với công nghệ tiên tiến để phát triển và tăng trưởng bền vững nhằm có đủ năng lực và điều kiện cần thiết để từng bước tiếp nhận, quản lý phần vốn của Tổng công ty lắp máy Việt Nam tại một số công ty thành viên của Tổng công ty có cùng nhóm ngành kinh doanh với Lilama69-1; qua đó khắc phục tình trạng cạnh tranh nội bộ. Theo đó từng bước tiếp nhận vai trò tổng thầu EPC điện từ Tổng công ty lắp máy Việt Nam chuyển giao cho Lilama69-1.

- Nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị, đặc biệt là giám sát việc tiếp tục triển khai tổ chức thực hiện những giải pháp đã được thống nhất giữa Hội đồng quản trị và Ban điều hành để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh trong năm 2016 và các năm tiếp theo. Chú trọng kiểm soát công tác đầu tư phát triển sản xuất, đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định về quản lý đầu tư, đầu tư đúng mục đích, có hiệu quả nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, phù hợp với định hướng phát triển công ty giai đoạn 2015-2020.

- Tham gia cùng với Ban điều hành, tiếp tục đẩy mạnh công tác tiếp thị, mở rộng thị trường, tìm kiếm việc làm nhằm đảm bảo ổn định sản xuất, duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu đạt khoảng 05%.

- Theo sát mọi diễn biến về tình hình thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, kịp thời tổ chức các cuộc họp Hội đồng quản trị để thống nhất ban hành các Nghị quyết sát với thực tiễn, nhằm định hướng cho Ban giám đốc công ty tổ chức, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh đảm bảo đạt được các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu mà Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

- Thường xuyên cập nhật các văn bản pháp luật mới của Chính phủ và các cơ quan quản lý Nhà nước liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp. Trên cơ sở đó, tiếp tục rà soát, thực hiện việc sửa đổi, bổ sung các Quy chế, Quy định nội bộ nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản trị công ty, đảm bảo sản xuất kinh doanh của công ty luôn tuân thủ theo đúng pháp luật.

- Phối hợp với Ban điều hành tiếp tục thực hiện có hiệu quả chương trình hành động tăng cường tiết kiệm, chống lãng phí nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả SXKD, bảo đảm chỉ tiêu lợi nhuận và mức chia cổ tức cho cổ đông. Thực hiện tốt công tác về quan hệ cổ đông nhằm xử lý một cách khách quan, toàn diện và kịp thời mọi vướng mắc (nếu có) giữa cổ đông với công ty.

Hội đồng quản trị đề ra các chỉ tiêu kế hoạch năm 2016 như sau:

TT	Nội dung	Thực hiện cả năm 2015	Kế hoạch 2016	% KH năm 2016/TH 2015
1	Giá trị sản lượng	940.436	1.070.000	113.78%
2	Doanh thu	862.867	870.000	100.83%
3	Lợi nhuận trước thuế	21.802	23.500	107.79%

4	Nộp ngân sách	35.124	38.800	110.47%
5	Đầu tư phát triển	53.426	58.660	109.80 %
6	Tổng số lao động BQ (người)	3.125	3.693	118.18%
7	Thu nhập BQ/Người/Tháng	8.00	8.12	101.50%

PHẦN V

QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

* Hội đồng quản trị Công ty có 05 thành viên trong đó:

- + Ông Bùi Quang Vinh: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- + Ông Ngô Quốc Thịnh: Thành viên HĐQT - Tổng giám đốc Công ty
- + Ông Hà Văn Mỹ: Thành viên HĐQT - Phó Tổng giám đốc, Chủ tịch công đoàn Công ty
- + Bà Nguyễn Thị Quế: Thành viên HĐQT - Kế toán trưởng
- + Ông Ngô Quang Hưng: Thành viên HĐQT – Chỉ huy trưởng dự án nhiệt điện Duyên Hải 3 mở rộng.
- + Ông Lê Việt Bắc: Thư ký HĐQT – Chánh Văn Phòng

* Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các thành viên Hội đồng quản trị

* Ông Bùi Quang Vinh - Chủ tịch HĐQT

- Chức vụ hiện tại:	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần LILAMA 69-1
- Ngày tháng năm sinh:	26/4/1958
- Nơi sinh:	Đông Hưng - Thái Bình
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	Số 3 Lý Chiêu Hoàng - phường Suối Hoa - thành phố Bắc Ninh - tỉnh Bắc Ninh
- Số CMND:	125362497 do công an Bắc Ninh cấp ngày 11/7/2006
- Trình độ văn hóa:	10/10
- Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư cơ khí chế tạo
- Trình độ lý luận chính trị:	Cao cấp
- Tỷ lệ cổ phần sở hữu của bản thân và những người có liên quan	
+ Đại diện phần vốn của Tổng công ty lắp máy Việt Nam:	1.823.900 CP
Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ	26%
+ Sở hữu cá nhân:	46.400 CP
Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ	0,66%

* Ông Ngô Quốc Thịnh: Thành viên HĐQT - Tổng giám đốc Công ty (đã nêu ở trên)

* Ông Hà Văn Mỹ: Thành viên HĐQT - Phó Tổng giám đốc Công ty (đã nêu ở trên)

* Bà Nguyễn Thị Quế: Thành viên HĐQT - Kế toán trưởng (đã nêu ở trên)

* Ông Ngô Quang Hưng: Thành viên Hội đồng quản trị

- Chức vụ hiện tại:	- Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần LILAMA 69-1 - Chỉ huy trưởng dự án nhiệt điện Duyên Hải 3 mở rộng -
---------------------	---

	Công ty Cổ phần LILAMA 69-1	
- Ngày tháng năm sinh:	14/03/1980	
- Nơi sinh:	Xuân Thành - Châu Minh - Hiệp Hòa - Bắc Giang	
- Quốc tịch:	Việt Nam	
- Dân tộc:	Kinh	
- Địa chỉ thường trú:	170 Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	
- Số CMND:	125465945 do công an Bắc Ninh cấp ngày 13/11/2008	
- Trình độ văn hóa:	10/10	
- Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư cơ khí chế tạo máy	
- Trình độ lý luận chính trị:	Sơ cấp	
- Tỷ lệ cổ phần sở hữu của bản thân và những người có liên quan		
+ Đại diện phần vốn của Tổng công ty lắp máy Việt Nam:	0 CP	
Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ	0 %	
+ Sở hữu cá nhân:	10.000 CP	
Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ	0,14 %	

b) Các tiểu ban trong Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty có 5 người và không chia ra các tiểu ban mà phân công nhiệm vụ cho từng thành viên HĐQT theo dõi từng lĩnh vực cụ thể (theo Quyết định số 37/QĐ-HĐQT ngày 08/5/2013 của Hội đồng quản trị Công ty). Các thành viên HĐQT có trách nhiệm báo cáo thường xuyên những vấn đề thuộc lĩnh vực mình phụ trách với Chủ tịch HĐQT và toàn thể HĐQT tại các kỳ họp.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2015, Hội đồng quản trị đã rất tích cực đôn đốc thực hiện công tác tái cấu trúc nâng cao năng lực quản trị Công ty theo Đề án tái cấu trúc; đồng thời tiến hành điều chỉnh, sửa đổi bổ sung một số nội dung trong đề án tái cấu trúc để phù hợp với định hướng phát triển chung của Tổng công ty lắp máy Việt Nam. Chỉ đạo quyết liệt công tác quản lý chi phí, tiết kiệm chống lãng phí, công tác thu hồi vốn và xử lý nợ tồn đọng, công tác nhân sự và quy hoạch cán bộ, công tác đào tạo và đào tạo lại, công tác tiền lương; đồng thời tiếp tục sửa đổi, bổ sung các văn bản nhằm hoàn thiện các cơ chế quản trị trong nội bộ Công ty phù hợp với thực tế của Công ty cũng như các quy định có liên quan của pháp luật: sửa đổi Quy chế quản trị Công ty; sửa đổi Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và quan hệ phối hợp với Ban điều hành.

Định kỳ, Hội đồng quản trị thường xuyên họp để đánh giá toàn bộ quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty, chỉ ra những điểm làm được, những vấn đề còn tồn tại, đặc biệt là những nguy cơ rủi ro trong hoạt động của Công ty để từ đó tìm ra các biện pháp giải quyết phù hợp, hạn chế các rủi ro cho Công ty:

Trong năm 2015, Các thành viên Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt nhiệm vụ được giao theo quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị đã được ban hành.

*** Các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong năm 2015:**

Trong năm 2015, Hội đồng quản trị đã tổ chức 11 kỳ họp tập trung. Ngoài ra, Hội đồng quản trị còn tổ chức 50 cuộc họp bằng hình thức lấy ý kiến để giải quyết những vấn đề sự vụ trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm đảm bảo tuân thủ đúng Điều lệ và các quy chế, quy định nội bộ của Công ty.

*** Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2015:**

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/QĐ-HĐQT	08/01/2015	Quyết định cử đoàn cán bộ đi công tác nước ngoài (đi Trung Quốc làm việc với CNBM về việc hợp tác trong lĩnh vực sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng các nhà máy nhiệt điện, lọc hóa dầu, hóa chất)
2	02/QĐ-HĐQT	08/01/2015	Quyết định cử đoàn cán bộ đi công tác nước ngoài (đi Malaysia - dự án lọc dầu Rapid)
3	04/QĐ-HĐQT	28/01/2015	Quyết định cho phép ký hợp đồng mua thép tấm thực hiện hợp đồng chế tạo với Kawasaki
4	05/QĐ-HĐQT	28/01/2015	Quyết định cử cán bộ đi công tác nước ngoài (đi Thái Lan - dự án ANP Thái Bình)
5	06/QĐ-HĐQT	04/02/2015	Quyết định cho phép ký hợp đồng mua thép hình thực hiện hợp đồng chế tạo với Kawasaki
6	07/QĐ-HĐQT	04/02/2015	Quyết định cử đoàn cán bộ đi công tác nước ngoài (đi Malaysia - dự án lọc dầu Rapid)
7	08/QĐ-HĐQT	11/02/2015	Kế hoạch kiểm tra, kiểm soát năm 2015
8	09/QĐ-HĐQT	25/02/2015	Quyết định cử đoàn cán bộ đi công tác nước ngoài (đi Malaysia - dự án lọc dầu Rapid)
9	12/QĐ-HĐQT	03/03/2015	Quyết định cử đoàn cán bộ đi công tác nước ngoài (đi Nhật Bản - dự buổi báo cáo tổng kết của học viên K2 đào tạo tại Hitachi)
10	38/NQ-HĐQT	04/3/2015	1/ Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2014 và phương hướng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015; 2/ Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015; 3/ Thông qua việc rà soát sửa đổi, bổ sung quy hoạch cán bộ quản lý năm 2015;
11	12B/QĐ-HĐQT	04/3/2015	Quyết định thành lập Ban chỉ đạo tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2014.
12	15/QĐ-HĐQT	04/3/2015	Quyết định phê duyệt sửa đổi, bổ sung danh sách quy hoạch cán bộ quản lý giai đoạn 2016-2020.
13	16B/QĐ-HĐQT	12/3/2015	Quyết định phê duyệt quyết toán quỹ lương năm 2014.
14	16/QĐ-HĐQ	16/3/2015	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư cần trục tháp 50 tấn
15	17/QĐ-HĐQ	16/3/2015	Quyết định phê duyệt kế hoạch đấu thầu dự án

			đầu tư cần trục tháp 50 tấn
16	18/QĐ-HĐQT	16/3/2015	Quyết định phê duyệt Hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh gói thầu “Cung cấp 01 cần trục tháp 50 tấn đã qua sử dụng”
17	19/QĐ-HĐQT	16/3/2015	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư 04 xe ô tô bán tải
18	20/QĐ-HĐQT	16/3/2015	Quyết định phê duyệt kế hoạch đấu thầu dự án đầu tư 04 xe ô tô bán tải
19	21/QĐ-HĐQT	16/3/2015	Quyết định phê duyệt Hồ sơ chào hàng cạnh tranh gói thầu “Cung cấp 04 xe ô tô bán tải”
20	39/NQ-HĐQT	20/3/2015	Phê duyệt phương án vay vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - chi nhánh Bắc Ninh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh
21	40/NQ-HĐQT	20/3/2015	Phê duyệt phương án vay vốn tại Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - chi nhánh Bắc Ninh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh
22	21B/QĐ-HĐQT	24/3/2015	Quyết định cử đoàn cán bộ đi công tác nước ngoài (đi Brunei - khảo sát dự án Urea)
23	22/QĐ-HĐQT	26/3/2015	Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp 04 xe ô tô bán tải
24	23/QĐ-HĐQT	26/3/2015	Quyết định cử đoàn cán bộ đi công tác nước ngoài (đi Singapore - làm việc với Hiap seng về việc hợp tác bảo dưỡng các nhà máy lọc dầu, hóa chất và turn around lần 3 nhà máy lọc dầu Dung Quất)
25	41/NQ-HĐQT	26/3/2015	Chuyển nhượng cổ phần bằng hình thức bán thỏa thuận
26	24/QĐ-HĐQT	27/3/2015	Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu cung cấp cần trục tháp 50 tấn đã qua sử dụng
27	24B/QĐ-HĐQT	27/3/2015	Quyết định chuyển nhượng cổ phần bằng hình thức bán thỏa thuận
28	25A/QĐ-HĐQT	03/4/2015	Quyết định cho phép ký hợp đồng “Lắp đặt lò hơi số 1 và số 2 dự án nhiệt điện Thái Bình 1”
29	25B/QĐ-HĐQT	27/4/2015	Quyết định phê duyệt kế hoạch quỹ lương và đơn giá tiền lương năm 2015
30	26/QĐ-HĐQT	18/5/2015	Quyết định về việc cử đoàn cán bộ đi công tác nước ngoài (đi một số nước Châu Âu: Ba Lan; Đức; Italia)
31	41B/NQ-HĐQT	20/5/2015	Nghị quyết về việc bán cổ phần của Công ty Cổ phần LILAMA 69-1 tại Công ty Cổ phần Dịch vụ sửa chữa nhiệt điện miền Bắc (NPS)
32	26B/QĐ-HĐQT	20/5/2015	Quyết định về việc bán cổ phần của Công ty Cổ phần LILAMA 69-1 tại Công ty Cổ phần Dịch vụ sửa chữa nhiệt điện miền Bắc (NPS)
33	27/QĐ-HĐQT	03/6/2015	Quyết định về việc cử đoàn cán bộ đi công tác nước ngoài (đi Singapore làm việc với Hiapseng)

34	28/QĐ-HĐQT	03/6/2015	Quyết định về việc ký hợp đồng mua thép tấm thực hiện hợp đồng gia công chế tạo với Kawasaki (lần 3)
35	42/NQ-HĐQT	10/6/2015	Phê duyệt phương án vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - chi nhánh Bắc Ninh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh
36	43/NQ-HĐQT	10/6/2015	Phê duyệt phương án vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Bắc Ninh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh
37	30/QĐ-HĐQT	16/6/2015	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư máy móc thiết bị thi công năm 2015 (giai đoạn 1)
38	31/QĐ-HĐQT	16/6/2015	Quyết định phê duyệt Kế hoạch đấu thầu dự án đầu tư máy móc thiết bị thi công năm 2015 (giai đoạn 1)
39	32/QĐ-HĐQT	16/6/2015	Quyết định cử đoàn cán bộ đi công tác nước ngoài (đi Thái Lan - dự án muối mỏ Lào)
40	33/QĐ-HĐQT	18/6/2015	Quyết định cho phép ký hợp đồng mua thép tấm thực hiện hợp đồng chế tạo fire heater - dự án Karbala
41	34/QĐ-HĐQT	22/6/2015	Quyết định phê duyệt Hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh gói thầu “Cung cấp xe ô tô 7 chỗ ngồi” thuộc dự án đầu tư máy móc thiết bị thi công năm 2015 (giai đoạn 1)
42	35/NQ-HĐQT	22/6/2015	Quyết định phê duyệt Hồ sơ mời thầu gói thầu “Cung cấp xe cầu tự hành 5 tấn và 10 tấn” thuộc dự án đầu tư máy móc thiết bị thi công năm 2015 (giai đoạn 1)
43	44/NQ-HĐQT	22/6/2015	1/ Thông qua dự kiến kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2015 và phương hướng kế hoạch sản xuất kinh doanh 6 tháng cuối năm 2015; 2/ Thông qua việc sửa đổi và ban hành mới “Quy chế quản trị Công ty” và “Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và quan hệ phối hợp với Ban điều hành”; 3/ Nhất trí giới thiệu nhân sự để thực hiện quy trình bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc đối với ông Dương Thanh Phương; 4/ Thống nhất kế hoạch chi trả cổ tức năm 2014.
44	36/QĐ-HĐQT	24/6/2015	Quyết định cho phép ký hợp đồng mua thép hình thực hiện hợp đồng chế tạo fire heater - dự án Karbala
45	37/QĐ-HĐQT	27/6/2015	Quyết định cử đoàn cán bộ đi công tác nước ngoài (đi Thái Lan - quyết toán dự án ANP Thái Bình)
46	38/QĐ-HĐQT	07/7/2015	Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu “Cung cấp xe ô tô 7 chỗ ngồi” dự án đầu tư

			máy móc thiết bị thi công năm 2015
47	39/QĐ-HĐQT	08/7/2015	Quyết định ban hành Quy chế quản trị Công ty
48	40/QĐ-HĐQT	08/7/2015	Quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và quan hệ phối hợp với Ban điều hành.
49	45/NQ-HĐQT	15/7/2015	Nghị quyết phê duyệt phương án vay vốn tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong - chi nhánh Thăng Long phục vụ sản xuất kinh doanh.
50	42/QĐ-HĐQT	15/7/2016	Quyết định phê duyệt kết quả đấu thầu gói thầu “Cung cấp xe cầu tự hành 5 tấn và 10 tấn” thuộc dự án đầu tư mua sắm máy móc, thiết bị thi công năm 2015 (giai đoạn 1)
51	43/QĐ-HĐQT	17/7/2015	Quyết định phê duyệt HSMT gói thầu “Cung cấp xe cầu bánh lốp từ 50-70 tấn” thuộc dự án đầu tư mua sắm máy móc thiết bị thi công năm 2015 (giai đoạn 1)
52	44/QĐ-HĐQT	20/7/2015	Quyết định cho phép ký hợp đồng “Lắp đặt lọc bụi, kết cấu thép nhà tuabin, hệ thống ống và thiết bị BOP - Nhà máy nhiệt điện Duyên Hải 3 mở rộng”.
53	45/QĐ-HĐQT	31/7/2015	Quyết định về việc cử cán bộ tham gia khóa đào tạo ngắn ngày tại HPC (Nhật Bản)
54	47/QĐ-HĐQT	12/8/2015	Quyết định bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc (đối với ông Dương Thanh Phương)
55	46/NQ-HĐQT	20/8/2015	Nghị quyết về việc phê duyệt phương án vay vốn, bảo lãnh mở L/C và đảm bảo cấp tín dụng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - chi nhánh Bắc Ninh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
56	48/QĐ-HĐQT	26/8/2015	Quyết định về việc cử đoàn cán bộ đi công tác nước ngoài (đi Thái Lan làm việc với TTCL về dự án nhiệt điện đốt than tại Myanmar)
57	49/QĐ-HĐQT	27/8/2015	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp xe cầu bánh lốp 50-70 tấn, dự án đầu tư máy móc thiết bị thi công năm 2015 (giai đoạn 1)
58	50/QĐ-HĐQT	28/8/2015	Quyết định về việc phê duyệt dự án đầu tư máy móc thiết bị thi công năm 2015 (giai đoạn 2)
59	51/QĐ-HĐQT	28/8/2015	Quyết định về việc phê duyệt Kế hoạch đấu thầu dự án đầu tư máy móc thiết bị thi công năm 2015 (Giai đoạn 2)
60	52/QĐ-HĐQT	05/9/2015	Quyết định về việc cử đoàn cán bộ đi công tác nước ngoài (đi Singapore khảo sát giá cho dự án lọc dầu Rapid)
61	53/QĐ-HĐQT	05/9/2015	Quyết định về việc cử đoàn cán bộ đi công tác nước ngoài (đi Malaysia tham dự hợp chào giá cho dự án lọc dầu Rapid)
62	54/QĐ-HĐQT	05/9/2015	Quyết định về việc cử đoàn cán bộ đi công tác nước ngoài (đi Lào dự lễ khởi công dự án muối

			mỏ Lào)
63	55/QĐ-HĐQT	05/9/2015	Quyết định về việc cử đoàn cán bộ đi công tác nước ngoài (đi Lào dự lễ khởi công dự án muối mỏ Lào)
64	56/QĐ-HĐQT	05/9/2015	Quyết định về việc cử đoàn cán bộ đi công tác nước ngoài (đi Lào dự lễ khởi công dự án muối mỏ Lào)
65	47/NQ-HĐQT	23/9/2015	Nghị quyết về việc phê duyệt phương án vay vốn, bảo lãnh, mở L/C và đảm bảo cấp tín dụng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - chi nhánh Bắc Ninh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
66	57/QĐ-HĐQT	26/9/2015	Quyết định về việc cử đoàn cán bộ đi công tác nước ngoài (đi Malaysia họp bàn về việc chào giá dự án RAPID, đi Singapore về dự án nhiệt điện Duyên Hải 3 mở rộng)
67	59/QĐ-HĐQT	09/10/2015	Quyết định về việc cử đoàn cán bộ đi công tác nước ngoài (đi Myanmar khảo sát dự án nhiệt điện đốt than)
68	48/NQ-HĐQT	14/10/2015	1/ Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm 2015 và dự kiến kết quả sản xuất kinh doanh cả năm 2015. 2/ Thông qua chủ trương cải tạo trụ sở Công ty và chuyển mục đích sử dụng của nhà hàng LILAMA 69-1. 3/ Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2014 để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 thông qua. 4/ Thống nhất chủ trương cải tạo, quy hoạch và đầu tư bổ sung một số nhà xưởng, thiết bị cho nhà máy chế tạo thiết bị và kết cấu thép.
69	60/QĐ-HĐQT	15/10/2015	Quyết định về việc cử đoàn cán bộ đi công tác nước ngoài (đi Pháp và Đức họp bàn về dự án của GEA)
70	62/QĐ-HĐQT	25/10/2015	Quyết định về việc cho phép ký hợp đồng chế tạo đường duct cho dự án Greenville - Mỹ
71	63/QĐ-HĐQT	31/10/2015	Quyết định về việc cử đoàn cán bộ đi công tác nước ngoài (đi Thái Lan họp với đối tác JEL)
72	48B/NQ-HĐQT	31/10/2015	Nghị quyết phê duyệt phương án vay vốn, bảo lãnh, mở L/C Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - chi nhánh Bắc Ninh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh
73	64/QĐ-HĐQT	03/11/2015	Quyết định về việc cử đoàn cán bộ đi công tác nước ngoài (đi Châu Âu họp với đối tác ThyssenKrupp về dự án Urea tại Brunei)
74	65/QĐ-HĐQT	07/11/2015	Quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung danh mục máy móc thiết bị năm 2015 (Giai đoạn 2)

75	66/QĐ-HĐQT	07/11/2015	Quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu thầu dự án đầu tư máy móc thiết bị năm 2015 (Giai đoạn 2)
76	67/QĐ-HĐQT	16/11/2015	Quyết định về việc phê duyệt Hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh gói thầu “Cung cấp 01 công trục dầm đơn 10 tấn (12x42x12m) thuộc dự án đầu tư máy móc thiết bị năm 2015 (Giai đoạn 2)
77	68/QĐ-HĐQT	16/11/2015	Quyết định về việc phê duyệt Hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh gói thầu cung cấp 01 máy nén khí chạy điện thuộc dự án đầu tư máy móc thiết bị năm 2015 (Giai đoạn 2).
78	69/QĐ-HĐQT	20/11/2015	Quyết định về việc phê duyệt kết quả chào hàng cạnh tranh gói thầu “Cung cấp tủ phân phối điện ngoài trời” dự án đầu tư máy móc thiết bị thi công năm 2015 (Giai đoạn 2)
79	49/NQ-HĐQT	24/11/2015	Nghị quyết về việc phê duyệt phương án vay vốn tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong - chi nhánh Thăng Long phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
80	70/QĐ-HĐQT	25/11/2015	Quyết định về việc phê duyệt Hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh “Cung cấp máy hàn cần cột chuyên dụng” thuộc Dự án đầu tư máy móc thiết bị thi công năm 2015 (Giai đoạn 2)
81	71/QĐ-HĐQT	28/11/2015	Quyết định về việc cử đoàn cán bộ đi công tác nước ngoài (đi Trung Quốc đàm phán mua thép tấm chế tạo cho dự án Greenville)
82	72/QĐ-HĐQT	30/11/2015	Quyết định về việc phê duyệt kết quả chào hàng cạnh tranh gói thầu “Cung cấp 01 công trục dầm đơn 10 tấn” thuộc dự án đầu tư máy móc thiết bị thi công năm 2015 (Giai đoạn 2)
83	73/QĐ-HĐQT	30/11/2015	Quyết định về việc phê duyệt kết quả chào hàng cạnh tranh gói thầu “Cung cấp 01 máy nén khí chạy điện” thuộc dự án đầu tư máy móc thiết bị thi công năm 2015 (Giai đoạn 2)
84	74/QĐ-HĐQT	07/12/2015	Quyết định về việc phê duyệt kết quả chào hàng cạnh tranh gói thầu “Cung cấp 02 máy hàn cần cột chuyên dụng” thuộc dự án đầu tư máy móc thiết bị thi công năm 2015 (Giai đoạn 2)
85	75/QĐ-HĐQT	12/12/2015	Quyết định về việc cử cán bộ đi công tác nước ngoài (đi Trung Quốc kiểm tra việc chế tạo thép)
86	76/QĐ-HĐQT	16/12/2015	Quyết định về việc cử cán bộ đi công tác nước ngoài (đi Thái Lan -TTCL)
87	76B/QĐ-HĐQT	17/12/2015	Quyết định cho phép ký Hợp đồng mua thép tấm lô thứ nhất dự án Greenville
88	50/NQ-HĐQT	17/12/2015	Nghị quyết về việc phê duyệt phương án vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển

			Việt Nam - chi nhánh Bắc Ninh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
89	77/QĐ-HĐQT	31/12/2015	Quyết định về việc cử cán bộ đi công tác nước ngoài (đi Malaysia - dự án RAPID)

d) Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành

- Tham dự khá đầy đủ các phiên họp HĐQT, cùng xem xét nghiên cứu và đưa ra ý kiến đóng góp cho nghị quyết của HĐQT.

- Thường xuyên cùng Ban kiểm soát Công ty giám sát hoạt động tài chính và các hoạt động khác của Công ty.

- Có ý kiến kịp thời với Ban Tổng giám đốc và HĐQT khi nhận thấy có những quyết sách chưa hợp lý.

2. Ban kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

Ông Ngô Anh Đức	Trưởng Ban kiểm soát	
- Chức vụ hiện tại:	Phó trưởng phòng Tài chính - Kế toán Tổng công ty lắp máy Việt Nam (LILAMA)	
- Ngày tháng năm sinh:	31/08/1978	
- Nơi sinh:	Thụy Lâm – Đông Anh – Hà Nội	
- Quốc tịch:	Việt Nam	
- Dân tộc:	Kinh	
- Quê quán:	Thụy Lâm – Đông Anh – Hà Nội	
- Địa chỉ thường trú:	Số nhà 17 – Ngách 66/111 – Phường Ngọc Lâm – Quận Long Biên – Thành phố Hà Nội	
- Số CMND:	011930445 do công an Hà Nội cấp ngày 29/10/2011	
- Trình độ văn hóa:	12/12	
- Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Tài chính – tín dụng	
- Trình độ lý luận chính trị:	Trung cấp	
- Tỷ lệ cổ phần sở hữu của bản thân và những người có liên quan		
+ Đại diện phần vốn của Tổng công ty lắp máy Việt Nam:		0 CP
Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ		0 %
+ Sở hữu cá nhân:		0 CP
Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ		0 %

Ông Nguyễn Anh Tú	Thành viên Ban kiểm soát	
- Chức vụ hiện tại:	Trưởng phòng Tổ chức nhân sự - Công ty Cổ phần LILAMA 69-1	
- Ngày tháng năm sinh:	12/06/1972	
- Nơi sinh:	Xã Lạc Vệ - Huyện Tiên Du - Tỉnh Bắc Ninh	

- Quốc tịch:	Việt Nam
- Dân tộc:	Kinh
- Quê quán:	Phường Hạp Lĩnh - TP.Bắc Ninh - Tỉnh Bắc Ninh
- Địa chỉ thường trú:	Phường Hạp Lĩnh - TP.Bắc Ninh - Tỉnh Bắc Ninh
- Số CMND:	125316026 do công an Bắc Ninh cấp ngày 06/04/2005
- Trình độ văn hóa:	10/10
- Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư cơ khí
- Trình độ lý luận chính trị:	Sơ cấp
- Tỷ lệ cổ phần sở hữu của bản thân và những người có liên quan	
+ Đại diện phần vốn của Tổng công ty lắp máy Việt Nam:	0 CP
Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ	0 %
+ Sở hữu cá nhân:	0 CP CP
Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ	0 %

Ông Vũ Công Nam	Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ hiện tại:	Trưởng phòng Vật tư – Xuất nhập khẩu - Công ty Cổ phần LILAMA 69-1
- Ngày tháng năm sinh:	07/7/1979
- Nơi sinh:	Cộng Hòa - Chí Linh - Hải Dương
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Dân tộc:	Kinh
- Quê quán:	Cộng Hòa - Chí Linh - Hải Dương
- Địa chỉ thường trú:	Số 50 Lý Chiêu Hoàng - phường Suối Hoa - thành phố Bắc Ninh - tỉnh Bắc Ninh
- Số CMND:	125247093 do công an Bắc Ninh cấp ngày 06/11/2003
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ kinh tế
- Trình độ lý luận chính trị:	Trung cấp
- Tỷ lệ cổ phần sở hữu của bản thân và những người có liên quan	
+ Đại diện phần vốn của Tổng công ty lắp máy Việt Nam:	0 CP
Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ	0 %
+ Sở hữu cá nhân:	30.000 CP
Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ	0,43%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát ngoài việc thực hiện các cuộc họp theo quy định tại Điều lệ Công ty để xem xét các báo cáo tài chính bán niên và hàng năm của Công ty còn tham gia tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị Công ty. Một số thành viên Ban Kiểm soát thường xuyên

tham gia các cuộc họp giao ban của Ban Giám đốc Công ty. Vì vậy, Ban Kiểm soát luôn giám sát các hoạt động Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc một cách liên tục, kịp thời để đảm bảo các hoạt động của Công ty luôn tuân thủ đúng pháp luật, thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015.

Ngoài ra, Ban Kiểm soát còn tham gia Tổ công tác với vai trò chủ trì thực hiện Kế hoạch Kiểm tra giám sát năm 2015 số 08/KHKT-HĐQT ngày 11/02/2015 của Hội đồng quản trị Công ty đối với việc chấp hành pháp luật trong sản xuất kinh doanh, phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2015 của Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của từng thành viên HĐQT, Chủ tịch và thành viên Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Nhằm đảm bảo quyền lợi và trách nhiệm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đối với việc quản trị, điều hành và kiểm soát quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 ngày 25/4/2015 đã thông qua mức thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký Công ty như sau:

- Chủ tịch HĐQT chuyên trách: Được trả lương bậc 2/2, hệ số 7,30 theo bảng lương của Công ty và kết quả sản xuất kinh doanh theo quy chế lương của Công ty, các lợi ích khác được hưởng theo quy định của Công ty.

- Tổng giám đốc được trả lương bậc 2/2, hệ số 6,97 theo bảng lương của Công ty và kết quả sản xuất kinh doanh theo quy chế lương của Công ty, các lợi ích khác được hưởng theo quy định của Công ty.

- Các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Thư ký HĐQT làm việc kiêm nhiệm được chi trả theo mức chi trả của năm 2014.

Theo đó, mức chi trả thù lao cho từng cá nhân trong Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký hội đồng quản trị Công ty trong năm 2014 như sau:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Giá trị thù lao	Ghi chú
1	Bùi Quang Vinh	Chủ tịch HĐQT	344.788.000 đồng	Lương chuyên trách
2	Ngô Quốc Thịnh	Thành viên HĐQT	43.200.000 đồng	Làm công tác kiêm nhiệm
3	Hà Văn Mỹ	Thành viên HĐQT	43.200.000 đồng	Làm công tác kiêm nhiệm
4	Ngô Quang Hưng	Thành viên HĐQT	43.200.000 đồng	Làm công tác kiêm nhiệm
5	Nguyễn Thị Quế	Thành viên HĐQT	43.200.000 đồng	Làm công tác kiêm nhiệm
6	Lê Việt Bắc	Thư ký HĐQT	28.000.000 đồng	Làm công tác kiêm nhiệm
7	Ngô Anh Đức	Trưởng ban KS	43.200.000 đồng	Làm công tác kiêm nhiệm
8	Vũ Công Nam	Thành viên BKS	28.800.000 đồng	Làm công tác kiêm nhiệm
9	Nguyễn Anh Tú	Thành viên	28.800.000 đồng	Làm công tác kiêm

	BKS		nhiệm
Tổng cộng		647.188.000 đồng	

- Số tiền chi trả thù lao nêu trên chưa được khấu trừ thuế thu nhập.

b) Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Thư ký HĐQT, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.

Không có

c) Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, và những người liên quan tới các đối tượng nói trên

Không có

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:

Công ty thực hiện tốt các quy định về quản trị Công ty

PHẦN VI BÁO CÁO TÀI CHÍNH



Thành viên Hội Kiểm toán MCI Quốc tế



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Địa chỉ : Số 29, Biệt thự 2, KĐT Bắc Linh Đàm, Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội

Tel: (+84 4) 3767 0720 • Fax: (+84 4) 3676 0721

Số: 1245/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Lilama 69-1

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Lilama 69-1, được lập ngày 19/01/2016, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Lilama 69-1 tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số III.1 và VIII.4 kể từ ngày 01/01/2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày không so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2014 do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ý kiến của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

**LÊ NGỌC KHUÊ**

Phó Giám đốc

Giấy CNDKHNKT số 0665-2014-126-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ
THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM (AVA)**

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2016

TỔNG THỊ BÍCH LAN

Kiểm toán viên

Giấy CNDKHNKT số 0060-2014-126-1



CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-1

Đ/c: Số 17 Lý Thái Tổ, P. Suối Hoa, TP Bắc Ninh, T. Bắc Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		667.134.988.534	512.479.457.672
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		47.787.498.965	81.281.654.964
1. Tiền	111	V.01	45.787.498.965	81.281.654.964
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		316.961.190.785	219.492.325.315
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	315.094.784.310	212.160.485.971
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	4.588.576.407	6.577.190.333
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	8.320.745.130	11.692.469.411
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(11.042.915.062)	(10.937.820.400)
IV. Hàng tồn kho	140	V.06	301.668.621.672	211.663.985.853
1. Hàng tồn kho	141		301.668.621.672	211.663.985.853
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		717.677.112	41.491.540
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07	149.795.065	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.08	567.882.047	41.491.540
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		174.408.034.349	155.375.306.965
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.447.781.871	3.692.491.073
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.09	3.447.781.871	3.692.491.073
II. Tài sản cố định	220		143.833.943.288	118.657.487.694
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	96.764.889.388	69.447.180.763
- Nguyên giá	222		195.719.190.986	154.278.909.544
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(98.954.301.598)	(84.831.728.781)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	46.580.265.178	49.210.306.931
- Nguyên giá	225		58.706.346.571	59.257.699.179
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226		(12.126.081.393)	(10.047.392.248)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	488.788.722	-
- Nguyên giá	228		515.872.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		(27.083.278)	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.13	8.000.000.000	19.700.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	11.700.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		8.300.000.000	8.300.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(300.000.000)	(300.000.000)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		19.126.309.190	13.325.328.198
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	19.126.309.190	13.325.328.198
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		841.543.022.883	667.854.764.637

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-1

Đ/c: Số 17 Lý Thái Tổ, P. Suối Hoa, TP Bắc Ninh, T. Bắc Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		700.286.737.093	535.795.672.597
I. Nợ ngắn hạn	310		658.402.082.430	504.325.376.013
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	128.006.221.651	34.352.399.544
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	70.241.693.066	97.140.114.412
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	11.369.175.198	13.223.976.640
4. Phải trả người lao động	314		52.550.150.975	25.317.770.217
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	365.324.537	381.743.591
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		32.057.360	43.989.880
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	7.335.325.308	4.823.068.890
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20	384.841.808.264	326.923.749.114
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
10. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		3.660.326.071	2.118.563.725
II. Nợ dài hạn	330		41.884.654.663	31.470.296.584
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	32.057.360
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.21	1.400.000.000	1.400.000.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.22	39.886.595.813	30.038.239.224
4. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.23	598.058.850	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		141.256.285.790	132.059.092.040
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.24	141.256.285.790	132.059.092.040
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		70.150.000.000	70.150.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		14.925.000.000	14.925.000.000
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		35.669.093.109	29.472.975.039
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.795.336.585	2.020.821.827
6. Lợi nhuận chưa phân phối	421		17.716.856.096	15.490.295.174
- Lợi nhuận chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		665.635.620	15.490.295.174
- Lợi nhuận chưa PP kỳ này	421b		17.051.220.476	-
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		841.543.022.883	667.854.764.637

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ()

Người lập biểu



Ngô Thị Lương

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Quế

Bắc Ninh, ngày 26 tháng 01 năm 2016

Tổng Giám đốc



Ngô Quốc Thịnh

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-1

Đ/c: Số 17 Lý Thái Tổ, P. Suối Hoa, TP Bắc Ninh, T. Bắc Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	862.866.910.671	829.201.500.212
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		862.866.910.671	829.201.500.212
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	776.728.650.270	741.466.917.599
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		86.138.260.401	87.734.582.613
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.791.798.258	2.058.541.028
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	28.509.672.428	34.370.519.536
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		28.055.906.746	32.826.672.005
8. Chi phí bán hàng	24	VI.7	601.756.000	620.998.740
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.7	39.413.138.746	33.890.676.908
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		21.405.491.485	20.910.928.457
11. Thu nhập khác	31	VI.5	936.692.473	912.234.675
12. Chi phí khác	32	VI.6	587.414.117	986.520.348
13. Lợi nhuận khác	40		349.278.356	(74.285.673)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		21.754.769.841	20.836.642.784
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	4.703.549.365	4.457.170.838
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		17.051.220.476	16.379.471.946
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	1.999	1.920
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	1.999	1.920

Bắc Ninh, ngày 26 tháng 01 năm 2016

Người lập biểu



Ngô Thị Lương

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Quế

Tổng Giám đốc



Ngô Quốc Thịnh

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-1

Đ/c: Số 17 Lý Thái Tổ, P. Suối Hoa, TP Bắc Ninh, T. Bắc Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Theo phương pháp trực tiếp

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	815.577.102.346	1.009.009.231.740
2. Tiền chi trả người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(529.222.598.500)	(553.987.795.890)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(272.629.429.555)	(286.878.802.440)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(28.072.325.800)	(32.444.928.414)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(5.349.666.090)	(5.120.836.875)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	17.630.360.244	4.291.557.984
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(66.055.810.681)	(57.409.698.496)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(68.122.368.036)	77.458.727.609
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(35.155.955.450)	(8.314.781.389)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	11.700.000.000	2.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.282.249.706	523.924.077
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(22.173.705.744)	(5.790.857.312)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	692.535.465.941	716.885.646.676
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(618.786.568.642)	(735.606.401.518)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(11.327.476.917)	(7.488.937.920)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(5.627.238.070)	(5.691.601.610)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	56.794.182.312	(31.901.294.372)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(33.501.891.468)	39.766.575.925
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	81.281.654.964	41.487.162.774
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	7.735.469	27.916.265
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	47.787.498.965	81.281.654.964

Bắc Ninh, ngày 26 tháng 01 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Ngô Thị Lương



Nguyễn Thị Quế



Ngô Quốc Thịnh

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-1

Đ/c: Số 17 Lý Thái Tổ - P. Suối Hoa - TP Bắc Ninh - Tỉnh Bắc Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Lilama 69-1 được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Lắp máy và Xây dựng 69-1 thuộc Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam (LILAMA) theo Quyết định số 1370/QĐ - BXD ngày 06 tháng 7 năm 2005 của Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký doanh nghiệp số 2300102253 đăng ký lần đầu ngày 11 tháng 01 năm 2006 và thay đổi lần thứ 5 ngày 16 tháng 5 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 17 Đường Lý Thái Tổ - Phường Suối Hoa- TP Bắc Ninh - Tỉnh Bắc Ninh

2. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Lắp đặt hệ thống điện và hệ thống xây dựng khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Xây dựng nhà các loại, công trình đường sắt, đường bộ; công trình công ích (hệ thống cứu hỏa, đường dây và trạm biến áp đến 500KV...) và các công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Sửa chữa các thiết bị điện;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất các kết cấu kim loại (gia công, chế tạo thiết bị đồng bộ, đường ống, kết cấu thép cho các nhà máy xi măng, điện, dầu khí, hóa chất);
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại; Sản xuất nồi hơi; Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn; Sửa chữa máy móc, thiết bị; Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Tư vấn đầu thầu, lập và quản lý dự án đầu tư; Thiết kế công trình công nghiệp và dân dụng; Thiết kế tổng mặt bằng...);
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (Thí nghiệm, kiểm tra kim loại và mối hàn, thí nghiệm; hiệu chỉnh hệ thống điện cao, hạ thế...);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn tổng hợp; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Hoạt động các cơ sở thể thao (Sân tennis);
- Các hoạt động xây dựng chuyên dụng khác.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-1

Đ/c: Số 17 Lý Thái Tổ - P. Suối Hoa - TP Bắc Ninh - Tỉnh Bắc Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01/01/2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc Công ty đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày không so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2014 do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm kỳ kế toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-1

Đ/c: Số 17 Lý Thái Tổ - P. Suối Hoa - TP Bắc Ninh - Tỉnh Bắc Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định*Nguyên tắc kế toán TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình*

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại;

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Nguyên tắc kế toán TSCĐ thuê tài chính

Hợp đồng thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho Công ty. Tài sản cố định thuê tài chính được phân ánh theo giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản và giá trị hiện tại của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được trích khấu hao như tài sản cố định của Công ty. Đối với tài sản cố định thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm giữa niên độ và cuối năm, là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào các tổ chức kinh tế khác, mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính của tổ chức kinh tế đó.

6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính;

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí thương hiệu LILAMA;
- Lợi thế kinh doanh;
- Chi phí sửa chữa tài sản và các chi phí trả trước dài hạn khác.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-1

Đ/c: Số 17 Lý Thái Tổ - P. Suối Hoa - TP Bắc Ninh - Tỉnh Bắc Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

7. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Tiêu chí phân loại các khoản phải trả:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản. Khoản phải trả gồm các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả giữa Công ty là đơn vị cấp trên và các xí nghiệp, chi nhánh là đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác là các khoản phải trả còn lại không được phân loại là phải trả khách hàng, phải trả nội bộ.

Khoản phải trả được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải trả, theo dõi chi tiết kỳ hạn trả, theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Các khoản phải trả có thời gian đáo hạn còn lại dưới 12 tháng (dưới một chu kỳ sản xuất kinh doanh) tại thời điểm lập Báo cáo tài chính thì được phân loại là nợ ngắn hạn; các khoản phải trả còn lại không được phân loại là nợ ngắn hạn thì được phân loại là nợ dài hạn. Khi lập Báo cáo tài chính, các khoản phải trả được tái phân loại lại theo nguyên tắc này.

Công ty thực hiện đánh giá lại các khoản phải trả người bán có gốc ngoại tệ tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại khoản phải trả người bán là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, hoặc nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Công ty sẽ ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất chắc chắn xảy ra, theo đúng nguyên tắc thận trọng.

Nợ phải trả không được ghi nhận thấp hơn giá trị nghĩa vụ phải thanh toán.

Dự phòng nợ phải trả được lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo đúng qui định hiện hành.

8. Nguyên tắc kế toán vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản vay được ghi sổ theo từng lần giải ngân và trả nợ. Giá trị khoản nợ thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê còn phải trả tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được hạch toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ, từng loại tài sản vay nợ, kỳ hạn vay nợ và đồng tiền vay nợ

Khi lập Báo cáo tài chính số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng nơi Công ty có giao dịch vay, thuê tài chính.

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Tỷ lệ vốn hóa chi phí đi vay trong kỳ là 0%.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-1**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Đ/c: Số 17 Lý Thái Tổ - P. Suối Hoa - TP Bắc Ninh - Tỉnh Bắc Ninh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Phân ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi có đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

11. Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận được phân phối cho các chủ sở hữu theo nghị quyết hàng năm của đại hội đồng cổ đông.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-1**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Đ/c: Số 17 Lý Thái Tổ - P. Suối Hoa - TP Bắc Ninh - Tỉnh Bắc Ninh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

14. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Khi ghi nhận một khoản doanh thu, thì sẽ đồng thời ghi nhận một khoản chi phí (giá vốn) tương ứng có liên quan đến việc tạo ra khoản doanh thu đó. Chi phí này gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

16. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý

Chi phí quản lý phản ánh toàn bộ chi phí chung của Công ty như: lương và các khoản bảo hiểm của nhân viên quản lý Công ty, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài phục vụ khối quản lý Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-1**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Đ/c: Số 17 Lý Thái Tổ - P. Suối Hoa - TP Bắc Ninh - Tỉnh Bắc Ninh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành;

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

18. Các bên liên quan

Các bên được xem là có liên quan đến một bên phát sinh các mối quan hệ trực tiếp hay gián tiếp, để kiểm soát các bên khác hoặc có khả năng gây ảnh hưởng đáng kể đến các bên liên quan nếu có mối quan hệ kiểm soát thường xuyên hoặc có thể gây ảnh hưởng đáng kể.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-1

Đ/c: Số 17 Lý Thái Tổ, P. Suối Hoa, TP Bắc Ninh, T. Bắc Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: đồng

1 . Tiền	31/12/2015	01/01/2015
Tiền mặt tại quỹ	325.802.999	167.087.161
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	45.461.695.966	81.114.567.803
Cộng	45.787.498.965	81.281.654.964

2 . Phải thu khách hàng ngắn hạn	31/12/2015	01/01/2015
a) Phải thu khách hàng	315.094.784.310	212.160.485.971
- Tổng công ty lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH MTV	159.843.761.737	83.199.525.958
- Phải thu khách hàng khác	155.251.022.573	128.960.960.013
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	162.995.804.150	86.351.568.371
- Tổng công ty lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH MTV	159.843.761.737	83.199.525.958
- Công ty Cổ phần Lisemco	562.000.000	562.000.000
- Công ty Cổ phần Lilama 10	2.448.242.413	2.448.242.413
- Công ty Cổ phần Lilama 5	141.800.000	141.800.000

3 . Trả trước người bán ngắn hạn	31/12/2015	01/01/2015
- Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Bắc	-	2.107.103.869
- Công ty TNHH Phúc Trường	-	688.600.000
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Weldcom	-	689.200.000
- Công ty TNHH Thiết bị Công nghiệp Nguyễn Gia	590.521.965	608.117.895
- Foster wheeler Power Viet Nam LLC	882.708.000	-
- Trả trước cho người bán khác	3.115.346.442	2.484.168.569
Cộng	4.588.576.407	6.577.190.333

4 . Phải thu ngắn hạn khác	31/12/2015	01/01/2015		
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Phải thu khác	3.276.968.454	-	5.523.691.477	-
+ Phải thu về cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-	1.170.000.000	-
+ Khác	3.276.968.454	-	4.353.691.477	-
- Tạm ứng	3.406.130.165	-	4.012.906.602	-
- Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	1.482.365.431	-	2.094.871.332	-
- Dư nợ phải trả khác	155.281.080	-	61.000.000	-
Cộng	8.320.745.130	-	11.692.469.411	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-1

Đ/c: Số 17 Lý Thái Tổ, P. Suối Hoa, TP Bắc Ninh, T. Bắc Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

5 . Nợ xấu

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.	11.042.915.062	-	11.119.369.038	181.548.638
+ Công ty Cổ phần Lisemco	562.000.000	-	562.000.000	-
+ BDH DA Xi măng Hạ Long	775.581.001	-	775.581.001	-
+ Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Sông Đà	3.796.448.193	-	3.796.448.193	-
+ Công ty Cổ phần NLSH dầu khí Miền Trung	-	-	76.453.976	22.936.193
+ Công ty TNHH Toàn Mỹ	30.000.000	-	30.000.000	15.000.000
+ Công ty Cổ phần ĐTXD & PTH T Vinaconex	881.499.199	-	881.499.199	-
+ Công ty Cổ phần Hamin Việt Nam	298.708.150	-	298.708.150	89.612.445
+ Công ty Cổ phần TID	100.000.000	-	100.000.000	30.000.000
+ Công ty Cổ phần Sản xuất & TM Việt Mỹ	1.296.335.409	-	1.296.335.409	-
- Công ty TNHH TM Đại Phát	27.000.000	-	27.000.000	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng Thành Hậu	48.000.000	-	48.000.000	24.000.000
- JRP Internation Pte LTD	3.227.343.110	-	3.227.343.110	-
- Các khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm...phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu.	-	-	-	-
Cộng	11.042.915.062	-	11.119.369.038	181.548.638

6 . Hàng tồn kho

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	4.792.416.630	-	1.338.454.854	-
Công cụ, dụng cụ	1.952.384.213	-	313.031.692	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	294.621.575.701	-	209.345.679.914	-
Hàng hóa	302.245.128	-	666.819.393	-
Cộng	301.668.621.672	-	211.663.985.853	-

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm (31/12/2015): 0 đồng;

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm (31/12/2015): 0 đồng.

7 . Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
- Chi phí thuê mặt bằng	149.795.065	-
Cộng	149.795.065	-

8 . Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	01/01/2015	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	31/12/2015
- Thuế xuất nhập khẩu	41.491.540	968.238.000	1.494.628.507	567.882.047
Cộng	41.491.540	968.238.000	1.494.628.507	567.882.047

9 . Phải thu dài hạn khác

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Ký cược, ký quỹ dài hạn	3.447.781.871	-	3.692.491.073	-
Cộng	3.447.781.871	-	3.692.491.073	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-1

Đ/c: Số 17 Lý Thái Tổ, P. Suối Hoa, TP Bắc Ninh, T. Bắc Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

10 . Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình (Xem chi tiết phụ lục số 01 của Báo cáo này)

11 . Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	41.611.871.543	17.645.827.636	59.257.699.179
Số tăng trong kỳ	7.334.127.182	-	7.334.127.182
- Thuê tài chính trong năm	7.334.127.182	-	7.334.127.182
Số giảm trong kỳ	3.349.855.790	4.535.624.000	7.885.479.790
- Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	3.349.855.790	4.535.624.000	7.885.479.790
Số dư cuối kỳ	45.596.142.935	13.110.203.636	58.706.346.571
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	5.157.491.611	4.889.900.637	10.047.392.248
Số tăng trong kỳ	4.597.258.477	1.958.246.770	6.555.505.247
- Khấu hao trong kỳ	4.597.258.477	1.958.246.770	6.555.505.247
Số giảm trong kỳ	1.982.222.896	2.494.593.206	4.476.816.102
- Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	1.982.222.896	2.494.593.206	4.476.816.102
Số cuối kỳ	7.772.527.192	4.353.554.201	12.126.081.393
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	36.454.379.932	12.755.926.999	49.210.306.931
Tại ngày cuối kỳ	37.823.615.743	8.756.649.435	46.580.265.178

12 . Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm thiết kế	Cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu kỳ	-	-
Số tăng trong kỳ	515.872.000	515.872.000
- Mua trong kỳ	515.872.000	515.872.000
Số giảm trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	515.872.000	515.872.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ	-	-
Số tăng trong kỳ	27.083.278	27.083.278
- Khấu hao trong kỳ	27.083.278	27.083.278
Số giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	27.083.278	27.083.278
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu kỳ	-	-
Tại ngày cuối kỳ	488.788.722	488.788.722

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-1

Đ/c: Số 17 Lý Thái Tổ, P. Suối Hoa, TP Bắc Ninh, T. Bắc Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

13 . Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2015			01/01/2015		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
- Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	11.700.000.000	-	11.700.000.000
+ Công ty Cổ phần Lilama 69-1 Phả Lại	-	-	-	11.700.000.000	-	11.700.000.000
- Đầu tư vào đơn vị khác	8.300.000.000	(300.000.000)	8.000.000.000	8.300.000.000	(300.000.000)	8.000.000.000
+ Dự án thủy điện Hùng Lợi ⁽¹⁾	300.000.000	(300.000.000)	-	300.000.000	(300.000.000)	-
+ Công ty Cổ phần sửa chữa dịch vụ nhiệt điện Miền Bắc ⁽²⁾	2.500.000.000	-	2.500.000.000	2.500.000.000	-	2.500.000.000
+ Công ty thủy điện VIWASEEN- Tây Bắc ⁽³⁾	5.500.000.000	-	5.500.000.000	5.500.000.000	-	5.500.000.000
Cộng	8.300.000.000	(300.000.000)	8.000.000.000	20.000.000.000	(300.000.000)	19.700.000.000

Chi tiết từng đối tượng, từng khoản đầu tư

Đầu tư dài hạn khác

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư dài hạn khác tại ngày 31/12/2015

⁽¹⁾ Đầu tư dự án thủy điện Hùng Lợi với tỷ lệ cam kết góp vốn là 25% trên tổng số vốn điều lệ là 30 tỷ đồng tương ứng với 7,5 tỷ đồng. Đến ngày 31/12/2015, Công ty đã góp được 0,3 tỷ đồng. Tuy nhiên, Công ty quyết định ngừng đầu tư vốn vào dự án này vì Ban lãnh đạo Công ty đánh giá đầu tư vào dự án này hiệu quả không cao, hoạt động kinh doanh thua lỗ và đã thực hiện trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn.

⁽²⁾ Đầu tư vào Công ty Cổ phần Sửa chữa Dịch vụ Nhiệt điện Miền Bắc với tỷ lệ là 5% trên tổng vốn điều lệ là 50 tỷ đồng tương ứng với 2,5 tỷ đồng. Tại thời điểm 31/12/2015 Công ty không phải trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư theo quy định.

⁽³⁾ Đầu tư vào Công ty Thủy điện VIWASEEN- Tây Bắc theo hợp đồng mua bán cổ phần ngày 02/7/2012 với số tiền 5,5 tỷ đồng tương ứng với 550.000 cổ phần trên tổng số vốn điều lệ là 150 tỷ đồng (tương ứng với 15.000.000 cổ phần), chiếm 3,67%.

14 . Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2015	01/01/2015
- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	15.240.751.317	12.281.183.218
- Chi phí thương hiệu LILAMA và lợi thế kinh doanh	805.450.016	1.044.144.980
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	481.004.910	-
- Chi phí xây dựng kho hóa chất ANP Thái Bình	1.599.240.725	-
- Chi phí trả trước dài hạn khác	999.862.222	-
Cộng	19.126.309.190	13.325.328.198

15 . Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ
a) Phải trả người bán ngắn hạn	128.006.221.651	128.006.221.651	34.352.399.544	34.352.399.544
- Công ty cổ phần Lilama 7	21.324.926.639	21.324.926.639	3.556.179.186	3.556.179.186
- Công ty CP Lilama 69-1 Phả Lại	10.669.756.358	10.669.756.358	3.553.274.001	3.553.274.001
- Phải trả người bán ngắn hạn khác	96.011.538.654	96.011.538.654	27.242.946.357	27.242.946.357
c) Phải trả người bán là các bên liên quan				
- Công ty cổ phần Lilama 7	21.324.926.639	21.324.926.639	3.556.179.186	3.556.179.186
- Công ty CP Lilama 69-1 Phả Lại	10.669.756.358	10.669.756.358	3.553.274.001	3.553.274.001
- Công ty CP Lắp máy - Thí nghiệm cơ điện	-	-	323.486.605	323.486.605

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-1

Đ/c: Số 17 Lý Thái Tổ, P. Suối Hoa, TP Bắc Ninh, T. Bắc Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

16 . Người mua trả tiền trước ngắn hạn	31/12/2015	01/01/2015
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn	70.241.693.066	97.140.114.412
- Công ty TNHH MTV môi trường đô thị Hà Nội- Urenco	2.086.488.937	22.784.307.737
- Tổng công ty lắp máy Việt Nam (Lọc dầu Nghi Sơn)	-	39.347.572.878
- Tổng công ty lắp máy Việt Nam (CT Nhiệt điện Thái Bình 2)	-	17.966.726.140
- Công ty Jurong engineering (CT Duyên Hải 3)	14.289.201.085	-
- Jurong engineering ltd (CT Thái Bình 1- Thái Bình PJ)	15.830.656.094	-
- Kawasaki heavy industries- Thái Bình PJ	15.607.488.838	4.456.200.000
- Kirchner italia spa via adeodato ressi 17 20125 milano mi	16.869.485.066	-
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	5.558.373.046	12.585.307.657
b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	96.970.630	57.411.269.648
- Tổng công ty lắp máy Việt Nam (Lọc dầu Nghi Sơn)	-	39.347.572.878
- Tổng công ty lắp máy Việt Nam (CT Nhiệt điện Thái Bình 2)	-	17.966.726.140
- Tổng Công ty lắp máy Việt nam (CT nhiệt điện Ấn Độ)	96.970.630	96.970.630

17 . Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2015	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	31/12/2015
Thuế giá trị gia tăng	10.074.242.772	67.692.246.930	68.980.298.427	8.786.191.275
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.020.044.793	4.891.292.745	5.349.666.090	1.561.671.448
Thuế thu nhập cá nhân	471.632.075	1.487.072.640	937.392.240	1.021.312.475
Tiền thuê đất, thuế nhà đất	658.057.000	677.898.000	1.335.955.000	-
Cộng	13.223.976.640	74.748.510.315	76.603.311.757	11.369.175.198

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18 . Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Chi phí lãi vay phải trả	365.324.537	381.743.591
Cộng	365.324.537	381.743.591

19 . Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2015	01/01/2015
- Kinh phí công đoàn	1.272.579.599	559.622.152
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	-	64.330.515
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.062.745.709	4.199.116.223
+ Dự Có tài khoản 141	1.369.412.615	262.980.530
+ Cổ tức phải trả	272.073.480	287.311.550
+ Phải trả, phải nộp khác	4.421.259.614	3.648.824.143
Cộng	7.335.325.308	4.823.068.890

20 . Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (chi tiết xem phụ lục số 02 của Báo cáo này)

21 . Phải trả dài hạn khác	31/12/2015	01/01/2015
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.400.000.000	1.400.000.000
Cộng	1.400.000.000	1.400.000.000

22 . Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (chi tiết xem phụ lục số 03 của Báo cáo này)

23 . Dự phòng phải trả dài hạn	31/12/2015	01/01/2015
- Công ty cổ phần Than - Điện Nông Sơn Vinacomin	450.455.974	-
- Công ty TNHH công nghiệp Năng DOOSAN Việt Nam	57.540.000	-
- Công ty TNHH MTV môi trường đô thị Hà Nội - Urenco	90.062.876	-
Cộng	598.058.850	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-1

Đ/c: Số 17 Lý Thái Tổ, P. Suối Hoa, TP Bắc Ninh, T. Bắc Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

24 . Vốn chủ sở hữu

24.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (chi tiết xem phụ lục số 04 của Báo cáo này)

24.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	31/12/2015	01/01/2015
Tổng Công ty lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH MTV	35.776.500.000	35.776.500.000
Vốn góp của các cổ đông khác	34.373.500.000	34.373.500.000
Cộng	70.150.000.000	70.150.000.000

24.3. Các giao dịch về vốn với các CSH và phân phối cổ tức, lợi nhuận.

	31/12/2015	01/01/2015
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	70.150.000.000	70.150.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	70.150.000.000	70.150.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	5.612.000.000	5.612.000.000

24.4. Cổ phiếu

	31/12/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.015.000	7.015.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra ngoài công chúng	7.015.000	7.015.000
- Cổ phiếu phổ thông	7.015.000	7.015.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.015.000	7.015.000
- Cổ phiếu phổ thông	7.015.000	7.015.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

25 . Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

	12/31/2015	01/01/2015
a. Ngoại tệ các loại		
- USD	30.457.02	59.809.95
- JPY	326.252.00	17.300.974.00

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Đơn vị tính: Đồng

1 . Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay	Năm trước
a) Doanh thu		
- Doanh thu bán hàng	44.804.402.365	59.401.407.403
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	818.062.508.306	769.800.092.809
Cộng	862.866.910.671	829.201.500.212
b) Doanh thu đối với các bên liên quan		
- Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	434.298.161.334	159.959.324.545
2 . Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	38.216.575.532	46.691.473.107
- Giá vốn của hợp đồng xây dựng	738.512.074.738	694.775.444.492
Cộng	776.728.650.270	741.466.917.599

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-1

Đ/c: Số 17 Lý Thái Tổ, P. Suối Hoa, TP Bắc Ninh, T. Bắc Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

	Năm nay	Năm trước
3 . Doanh thu hoạt động tài chính		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	187.249.706	157.371.271
- Lãi bán các khoản đầu tư	720.000.000	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	375.000.000	1.545.000.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá	2.509.548.552	356.169.757
Cộng	3.791.798.258	2.058.541.028
4 . Chi phí tài chính		
- Lãi tiền vay	28.055.906.746	32.826.672.005
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	297.805.682	1.737.731.181
- Chi phí tài chính khác	155.960.000	(193.883.650)
Cộng	28.509.672.428	34.370.519.536
5 . Thu nhập khác		
- Thu từ thanh lý vật tư	-	45.470.000
- Thu từ tiền phạt vi phạm hợp đồng	936.692.473	524.264.675
- Các khoản thu nhập khác	-	342.500.000
Cộng	936.692.473	912.234.675
6 . Chi phí khác		
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	96.842.110	-
- Chi phí khác	490.572.007	986.520.348
Cộng	587.414.117	986.520.348
7 . Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
<i>a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</i>	<i>39.413.138.746</i>	<i>33.890.676.908</i>
a1) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	39.489.592.722	33.890.676.908
- Chi phí nhân viên quản lý	20.713.675.000	17.032.990.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.156.985.275	4.308.442.654
- Dự phòng nợ phải thu khó đòi	181.548.638	3.881.506.358
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	8.437.383.809	8.667.737.896
a2) Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp	76.453.976	-
- Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	76.453.976	-
<i>b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</i>	<i>601.756.000</i>	<i>620.998.740</i>
b1) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	601.756.000	620.998.740
- Chi phí nhân viên bán hàng	601.756.000	620.998.740
b2) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-1

Đ/c: Số 17 Lý Thái Tổ, P. Suối Hoa, TP Bắc Ninh, T. Bắc Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

	Năm nay	Năm trước
8 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
a. Lợi nhuận trước thuế	21.754.769.841	20.836.642.784
b. Các khoản điều chỉnh tăng (+), giảm (-) lợi nhuận tính thuế	(375.000.000)	(576.775.340)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	968.224.660
+ Lỗ do chênh lệch tỷ giá cuối kỳ của nợ phải thu có nguồn gốc ngoại tệ	-	968.224.660
- Các khoản điều chỉnh giảm	375.000.000	1.545.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận được chia	375.000.000	1.545.000.000
c. Lợi nhuận tính thuế TNDN (a)+(b)	21.379.769.841	20.259.867.444
d. Thuế TNDN = ((c)*thuế suất thuế TNDN}	4.703.549.365	4.457.170.838
9 . Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	327.587.625.210	276.610.419.402
Chi phí nhân công	314.350.278.789	303.624.096.229
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.489.616.337	14.670.612.622
Chi phí dự phòng	779.607.488	3.839.406.358
Chi phí dịch vụ mua ngoài	205.450.455.527	154.080.741.886
Chi phí khác bằng tiền	1.502.779.670	2.684.639.932
Cộng	868.160.363.021	755.509.916.429
10 . Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu		
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	17.051.220.476	16.379.471.946
Quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	3.026.910.263	2.907.662.346
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	14.024.310.213	13.471.809.600
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	7.015.000	7.015.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.999	1.920
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.999	1.920
(*) Quỹ khen thưởng phúc lợi phân phối lợi nhuận sau thuế được tạm tính như sau:		
- Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi của năm 2014 được xác định theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2015.		
- Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi của năm 2015 được tạm xác định bằng tỷ lệ quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2014 đã trích so với lợi nhuận sau thuế năm 2014 nhân với lợi nhuận sau thuế năm 2015.		

VII . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1 . Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai

	Năm nay	Năm trước
- Mua sắm tài sản bằng hoạt động thuê mua tài chính	4.591.881.450	26.825.001.498

VIII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không còn sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-1

Đ/c: Số 17 Lý Thái Tổ, P. Suối Hoa, TP Bắc Ninh, T. Bắc Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

2. Thông tin về các bên liên quan

Tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, thư ký trong năm 2015

Họ và tên	Chức danh	Tiền lương	Thù lao
1. Ông Bùi Quang Vinh	Chủ tịch Hội đồng quản trị	344.788.000	43.200.000
2. Ông Ngô Quốc Thịnh	Thành viên Hội đồng quản trị	323.706.000	43.200.000
3. Ông Hà Văn Mỹ	Thành viên Hội đồng quản trị	292.101.000	43.200.000
4. Ông Ngô Quang Hưng	Thành viên Hội đồng quản trị	202.091.000	43.200.000
5. Bà Nguyễn Thị Quế	Thành viên Hội đồng quản trị	262.451.000	43.200.000
6. Ông Lê Việt Bắc	Thư ký Hội đồng quản trị	201.271.000	28.800.000
7. Ông Ngô Anh Đức	Trưởng Ban kiểm soát	-	43.200.000
8. Ông Vũ Công Nam	Thành viên Ban kiểm soát	86.599.000	28.800.000
9. Ông Nguyễn Anh Tú	Thành viên Ban kiểm soát	209.610.000	28.800.000
Tổng cộng		1.922.617.000	345.600.000

3. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động xây lắp	Hoạt động bán hàng và hoạt động khác	Đơn vị tính: đồng Tổng cộng toàn doanh nghiệp
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	818.062.508.306	44.804.402.365	862.866.910.671
Khấu hao và chi phí phân bổ	775.878.684.518	40.864.860.498	816.743.545.016
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	42.183.823.788	3.939.541.867	46.123.365.655
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	36.419.786.859	-	36.419.786.859
Tài sản bộ phận	740.862.608.419	1.947.024.946	742.809.633.365
Tài sản không phân bổ	-	-	98.733.389.518
Tổng tài sản	-	-	841.543.022.883
Nợ phải trả bộ phận	424.728.404.077	-	424.728.404.077
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	275.558.333.016
Tổng nợ phải trả	-	-	700.286.737.093

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Hiện tại, các hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là xây lắp được hoạt động trên các khu vực địa lý không có sự khác biệt lớn về điều kiện kinh tế. Do đó, không có báo cáo bộ phận được trình bày.

4. Thông tin so sánh

Như trình bày tại mục 01, thuyết minh III, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày không so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2014 do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này, cụ thể như sau:

Khoản mục	Mã số	Số báo cáo năm trước	Số phân loại	Mã số	Số sau phân loại
Bảng cân đối kế toán					
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	213.384.547.381	6.107.777.934	130	219.492.325.315
Phải thu ngắn hạn khác	138	5.584.691.477	6.107.777.934	136	11.692.469.411
Tài sản ngắn hạn khác	150	6.149.269.474	(6.107.777.934)	150	41.491.540
Tài sản ngắn hạn khác	158	6.107.777.934	(6.107.777.934)	155	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-1

Đ/c: Số 17 Lý Thái Tổ, P. Suối Hoa, TP Bắc Ninh, T. Bắc Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

4. Thông tin so sánh (tiếp)

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này (tiếp):

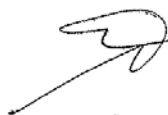
Khoản mục	Mã số	Số báo cáo năm trước	Số phân loại	Mã số	Số sau phân loại
Các khoản phải thu dài hạn	210	-	3.692.491.073	210	3.692.491.073
Phải thu dài hạn khác	218	-	3.692.491.073	216	3.692.491.073
Nợ ngắn hạn	310	504.281.386.133	43.989.880	310	504.325.376.013
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	43.989.880	318	43.989.880
Nợ dài hạn	330	31.514.286.464	(43.989.880)	330	31.470.296.584
Doanh thu chưa thực hiện	338	76.047.240	(76.047.240)		-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		-	32.057.360	336	32.057.360
Quỹ đầu tư phát triển	417	26.313.220.768	3.159.754.271	418	29.472.975.039
Quỹ dự phòng tài chính	418	3.159.754.271	(3.159.754.271)		-
Báo cáo kết quả kinh doanh					
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	2.235	(315)	70	1.920

Người lập biểu



Ngô Thị Lương

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Quế

Bắc Ninh, ngày 26 tháng 01 năm 2016

Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-1

Đ/c: Số 17 Lý Thái Tổ, P. Suối Hoa, TP Bắc Ninh, T. Bắc Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Phụ lục số 01: Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị DCQL	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá TSCĐ						
Số dư đầu năm	60.388.452.257	75.137.951.034	14.228.547.927	4.523.958.326	-	154.278.909.544
Số tăng trong kỳ	-	13.370.880.921	30.427.513.728	-	-	43.798.394.649
- Mua trong kỳ	-	10.017.025.131	25.886.889.728	-	-	35.903.914.859
- Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	3.353.855.790	4.540.624.000	-	-	7.894.479.790
Số giảm trong kỳ	-	2.358.113.207	-	-	-	2.358.113.207
- Thanh lý, nhượng bán	-	2.358.113.207	-	-	-	2.358.113.207
Số dư cuối kỳ	60.388.452.257	86.150.718.748	44.656.061.655	4.523.958.326	-	195.719.190.986
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	17.632.717.776	53.045.496.630	11.386.674.096	2.766.840.279	-	84.831.728.781
Số tăng trong kỳ	2.427.269.496	8.894.112.224	4.237.369.715	825.092.479	-	16.383.843.914
- Khấu hao trong kỳ	2.427.269.496	6.911.889.328	1.742.776.509	825.092.479	-	11.907.027.812
- Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	1.982.222.896	2.494.593.206	-	-	4.476.816.102
Số giảm trong kỳ	-	2.261.271.097	-	-	-	2.261.271.097
- Thanh lý, nhượng bán	-	2.261.271.097	-	-	-	2.261.271.097
Số dư cuối kỳ	20.059.987.272	59.678.337.757	15.624.043.811	3.591.932.758	-	98.954.301.598
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	42.755.734.481	22.092.454.404	2.841.873.831	1.757.118.047	-	69.447.180.763
Tại ngày cuối kỳ	40.328.464.985	26.472.380.991	29.032.017.844	932.025.568	-	96.764.889.388

Trong đó:

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình tại 31/12/2015 đã dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo các khoản vay:

43.089.867.455 đồng

Nguyên giá TSCĐ hữu hình tại 31/12/2015 đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng:

43.019.345.450 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-1

Đ/c: Số 17 Lý Thái Tổ, P. Suối Hoa, TP Bắc Ninh, T. Bắc Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Phụ lục số 02: Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2015		Trong kỳ		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	369.342.134.784	369.342.134.784	670.654.079.848	614.453.832.865	313.141.887.801	313.141.887.801
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- Chi nhánh Bắc Ninh ⁽¹⁾	139.222.586.410	139.222.586.410	304.937.010.776	308.426.005.367	142.711.581.001	142.711.581.001
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Bắc Ninh ⁽²⁾	46.149.431.439	46.149.431.439	60.347.291.091	51.978.083.673	37.780.224.021	37.780.224.021
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt- Chi nhánh Bắc Ninh ⁽³⁾	29.539.067.414	29.539.067.414	44.699.401.970	45.531.092.232	30.370.757.676	30.370.757.676
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- Chi nhánh Bắc Ninh ⁽⁴⁾	75.135.038.796	75.135.038.796	128.691.154.752	131.329.723.521	77.773.607.565	77.773.607.565
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Bắc Ninh ⁽⁵⁾	4.385.891.735	4.385.891.735	19.694.077.234	21.569.327.151	6.261.141.652	6.261.141.652
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Bắc Ninh ⁽⁶⁾	43.408.409.990	43.408.409.990	80.783.435.025	55.619.600.921	18.244.575.886	18.244.575.886
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thăng Long ⁽⁷⁾	31.501.709.000	31.501.709.000	31.501.709.000	-	-	-
b) Vay dài hạn đến hạn trả ^(*)	6.646.970.070	6.646.970.070	7.421.514.331	3.601.424.559	2.826.880.298	2.826.880.298
Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Bắc Ninh	-	-	-	370.000.000	370.000.000	370.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Bắc Ninh	3.081.915.986	3.081.915.986	3.744.115.986	3.119.080.298	2.456.880.298	2.456.880.298
Ngân hàng Tiên Phong - Chi nhánh Thăng Long Hà Nội	1.817.154.084	1.817.154.084	1.929.498.345	112.344.261	-	-
TMCP Quân đội - CN Bắc Ninh	1.747.900.000	1.747.900.000	1.747.900.000	-	-	-
c) Nợ dài hạn đến hạn trả ^(*)	8.852.703.410	8.852.703.410	9.082.679.908	11.184.957.513	10.954.981.015	10.954.981.015
Công ty CTTC TNHH MTV ngân hàng TMCP Công Thương VN	121.747.006	121.747.006	121.747.006	1.038.996.270	1.038.996.270	1.038.996.270
Công ty TNHH CTTC quốc tế Chaillease	1.494.201.333	1.494.201.333	1.494.201.424	4.000.269.611	4.000.269.520	4.000.269.520
Công ty CTTC TNHH MTV ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN	2.426.846.436	2.426.846.436	2.656.985.847	1.736.428.203	1.506.288.792	1.506.288.792
Công ty TNHH CTTC Quốc tế Việt Nam	4.809.908.635	4.809.908.635	4.809.745.631	4.409.263.429	4.409.426.433	4.409.426.433
Cộng	384.841.808.264	384.841.808.264	687.158.274.087	629.240.214.937	326.923.749.114	326.923.749.114

(*) Chi tiết xem phụ lục số 03 của Báo cáo này.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-1

Đ/c: Số 17 Lý Thái Tổ, P. Suối Hoa, TP Bắc Ninh, T. Bắc Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Thông tin chi tiết liên quan tới các khoản vay ngắn hạn

Ngân hàng	Số hợp đồng vay	Ngày hợp đồng	Thời hạn HẾT	Hạn mức tín dụng	Lãi suất vay	Số tiền vay năm 2015	Dư nợ gốc tại 31/12/2015	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- CN Bắc Ninh ⁽¹⁾	01/2015-HẾTDH/MNH CT282-LILAMA	10/19/2015	09 tháng	- Hạn mức vay là 200.000.000.000 đồng; - Hạn mức bảo lãnh: 100.000.000.000 đồng	Lãi suất theo từng lần nhận nợ	304.937.010.776	139.222.586.410	Bổ sung vốn lưu động	Hợp đồng TCTS gắn liền với đất số 01/HẾTD-Lilama ngày 14/4/2010, HẾTC tài sản số 2011/Vietinbank - Lilama 69-1 ngày 09/09/2011, hợp đồng TCTS số 2011.03/HẾTC ngày 30/12/2011, hợp đồng TC máy móc thiết bị số 2013.01/HẾTC-MMTB ngày 23/02/2013, hợp đồng TC quyền tài sản số 2013/LLM-QTS ngày 9/9/2013; hợp đồng TC quyền tài sản số 2015/LLM-QTS ngày 19/10/2015
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- CN Bắc Ninh ⁽²⁾	01/2015/167563/HẾTD	8/26/2015	09 tháng	- Hạn mức vay là 50.000.000.000 đồng; - Hạn mức bảo lãnh là: 80.000.000.000 đồng	Lãi suất theo từng lần nhận nợ	60.347.291.091	46.149.431.439	Bổ sung vốn lưu động	Toàn bộ tài sản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ của bên vay tại ngân hàng và tại các tổ chức tín dụng khác. Một số khoản thu theo các hợp đồng kinh tế
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt- CN Bắc Ninh ⁽³⁾	130.0216/2015/HẾTD-LPBBN	5/10/2015	08 tháng	- Hạn mức vay là 50.000.000.000 đồng; - Hạn mức bảo lãnh là: 50.000.000.000 đồng	Lãi suất theo từng lần nhận nợ	44.699.401.970	29.539.067.414	Bổ sung vốn lưu động	Quyền đòi nợ hình thành trong tương lai và quyền đòi nợ đã hình thành phát sinh từ hợp đồng Tổng thầu EPC số 1311/2014/HẾTK/URENCO ký ngày 13/11/2014 giữa Công ty TNHH Môi trường đô thị Hà Nội-URENCO và Liên danh nhà thầu Công ty CP Lilama 69-1 và Công ty TNHH Tư vấn thiết kế CIMAS Quyền đòi nợ hình thành trong tương lai và quyền đòi nợ đã hình thành phát sinh từ hợp đồng số 280510/Lilama -lilama 69-1 ngày 28/05/2010 ký giữa Tổng công ty Lắp Máy VN và Công ty Cổ phần Lilama 69-1
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- CN Bắc Ninh ⁽⁴⁾	030/15/HM/BN	21/4/2015	09 tháng	- Hạn mức vay là 100.000.000.000 đồng; - Hạn mức bảo lãnh là: 50.000.000.000 đồng	Lãi suất theo từng lần nhận nợ	128.691.154.752	75.135.038.796	Bổ sung vốn lưu động	Cho vay không có tài sản đảm bảo, tài sản đảm bảo là biện pháp bổ sung. Chi tiết về tài sản theo các Hợp đồng thế chấp: Hợp đồng thế chấp tài sản số 026/26/HẾTC/BN ngày 07/09/2006, Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 336/11/HẾTC/BN ngày 13/1/2012, Hợp đồng thế chấp tài sản số 381/13/HẾTC/BN ngày 11/7/2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-1

Đ/c: Số 17 Lý Thái Tổ, P. Suối Hoa, TP Bắc Ninh, T. Bắc Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Ngân hàng	Số hợp đồng vay	Ngày hợp đồng	Thời hạn HĐTD	Hạn mức tín dụng	Lãi suất vay	Số tiền vay năm 2015	Dư nợ gốc tại 31/12/2015	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - CN Bắc Ninh ⁽⁵⁾	40/2014/HĐHM-PN/SHB.111000	17/11/2014	12 tháng	- Hạn mức vay là 60.000.000.000 đồng; - Hạn mức bảo lãnh là: 50.000.000.000 đồng	Lãi suất theo từng lần nhận nợ	19.694.077.234	4.385.891.735	Bổ sung vốn lưu động	Toàn bộ quyền đòi nợ được thế chấp trước, trong và sau ngày ký hợp đồng này tại ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Bắc Ninh mà chưa được TC tại các tổ chức tín dụng khác. Các tài sản khác đáp ứng đủ điều kiện thế chấp làm tài sản đảm bảo được bên ngân hàng chấp nhận
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - CN Bắc Ninh ⁽⁶⁾	0305/HĐHMT-D-PVB-KHDN-CNBN	Năm 2015	08 tháng	- Hạn mức vay là 50.000.000.000 đồng; - Hạn mức bảo lãnh là: 50.000.000.000 đồng	Lãi suất theo từng lần nhận nợ	80.783.435.025	43.408.409.990	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp và Quyền đòi nợ hình thành trong tương lai hoặc quyền đòi nợ đã hình thành nhưng chưa được thế chấp tại các tổ chức tín dụng khác và các nguồn thu và tài sản hợp pháp khác của bên được cấp tín dụng
Ngân hàng Tiên Phong - Chi nhánh Phạm Hùng ⁽⁷⁾	393-07.15/HDTDK/PHG	11/29/2015	09 tháng	- Hạn mức vay là 45.000.000.000 đồng	Lãi suất theo từng lần nhận nợ	31.501.709.000	31.501.709.000	Bổ sung vốn lưu động	Quyền đòi nợ hình thành trong tương lai hoặc quyền đòi nợ đã hình thành nhưng chưa được thế chấp tại các tổ chức tín dụng khác và các nguồn thu và tài sản hợp pháp khác của bên được cấp tín dụng Cho vay Tín chấp không có tài sản đảm bảo, tài sản đảm bảo là biện pháp bổ sung
Cộng						670.654.079.848	369.342.134.784		

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-1

Đ/c: Số 17 Lý Thái Tổ, P. Suối Hoa, TP Bắc Ninh, T. Bắc Ninh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Phụ lục số 03: Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2015		Trong kỳ		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay dài hạn và nợ dài hạn						
+ Vay dài hạn	20.448.209.855	20.448.209.855	22.634.500.000	8.152.825.549	5.966.535.404	5.966.535.404
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- Chi nhánh Bắc Ninh	-	-	-	365.337.450	365.337.450	365.337.450
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- Chi nhánh Bắc Ninh	6.591.181.968	6.591.181.968	4.734.100.000	3.744.115.986	5.601.197.954	5.601.197.954
- Ngân hàng Tiên Phong - Chi nhánh Thăng Long Hà Nội	6.865.427.887	6.865.427.887	9.160.900.000	2.295.472.113	-	-
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Bắc Ninh	6.991.600.000	6.991.600.000	8.739.500.000	1.747.900.000	-	-
+ Nợ thuê tài chính dài hạn	19.438.385.958	19.438.385.958	4.591.881.450	9.225.199.312	24.071.703.820	24.071.703.820
- Công ty CTTC TNHH MTV- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	-	-	121.747.006	121.747.006	121.747.006
- Công ty CTTC TNHH MTV- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	3.488.389.343	3.488.389.343	4.591.881.450	2.799.505.342	1.696.013.235	1.696.013.235
- Công ty TNHH cho thuê tài chính Quốc tế Chailease	556.444.430	556.444.430	-	1.494.201.333	2.050.645.763	2.050.645.763
- Công ty TNHH cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam	15.393.552.185	15.393.552.185	-	4.809.745.631	20.203.297.816	20.203.297.816
Cộng	39.886.595.813	39.886.595.813	27.226.381.450	17.378.024.861	30.038.239.224	30.038.239.224

Thông tin chi tiết liên quan tới các khoản vay và nợ dài hạn:

Ngân hàng	Số hợp đồng vay	Ngày hợp đồng	Hạn mức tín dụng	Thời hạn vay	Lãi suất vay	Dư nợ gốc vay tại 31/12/2015	Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	Mục đích vay/ Tài sản thuê	Tài sản đảm bảo
Vay dài hạn			41.713.136.362			27.095.179.925	6.646.970.070		
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Ninh	2012/HDTD_LL/M	18/10/2012	4.455.000.000	48 tháng	Lãi suất 10.5%/năm	-	-	Thanh toán các chi phí đầu tư dự án, đầu tư máy móc thiết bị thi công năm 2012	Toàn bộ tài sản trong tương lai hình thành từ vốn vay là Máy móc thiết bị thuộc dự án đầu tư máy móc thiết bị thi công năm 2012
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Ninh	010/13HĐTDA/BN	18/10/2012	14.623.636.362	60 tháng	Lãi suất 13%/năm	5.601.197.954	1.867.065.986	Thực hiện dự án đầu tư máy móc thi công năm 2013	Tài sản hình thành từ vốn vay thuộc dự án đầu tư máy móc thiết bị thi công năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-1

Đ/c: Số 17 Lý Thái Tổ, P. Suối Hoa, TP Bắc Ninh, T. Bắc Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Ngân hàng	Số hợp đồng vay	Ngày hợp đồng	Hạn mức tín dụng	Thời hạn vay	Lãi suất vay	Dư nợ gốc vay tại 31/12/2015	Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	Mục đích vay/ Tài sản thuê	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Ninh	005/15/TL/BN	10/2/2015	1.409.100.000	36 tháng	Lãi suất 10.5%/năm, điều chỉnh 03 tháng 01 lần	939.400.000	234.850.000	Thanh toán một phần chi phí đầu tư dự án "Dự án đầu tư máy hàn TIG dùng điện và máy hàn que dùng điện"	Tài sản hình thành từ vốn vay ngân hàng và vốn tự có là 120 bộ máy hàn mới 100% theo hợp đồng kinh tế số 22/HĐKT/2014/WELDCOM và Công ty CP Lilama 69-1 ngày 20/12/2014
	016/15/ĐTDA/BN	18/5/2015	1.540.000.000	48 tháng	Lãi suất 10.5%/năm, điều chỉnh 03 tháng 01 lần	1.347.500.000	385.000.000	Thanh toán bù đắp một phần chi phí đầu tư dự án "Đầu tư 4 xe ô tô bán tải"	Tài sản hình thành từ vốn vay ngân hàng và vốn tự có là 4 xe bán tải Ford Ranger mới 100% theo hợp đồng mua bán xe ô tô số 164/2015/HĐMB ký giữa Công ty TNHH MTV Kinh doanh ô tô Thăng Long và Công ty CP Lilama 69-1 ngày 27/3/2015
	208/15/ĐTDA/BN	12/4/2015	1.785.000.000	36 tháng	Lãi suất 10.5%/năm, điều chỉnh 03 tháng 01 lần	1.785.000.000	595.000.000	Thanh toán bù đắp các chi phí đầu tư hợp pháp mà bên vay đã thanh toán vượt phần vốn tự có phải góp theo quyết định đầu tư dự án	Tài sản hình thành từ dự án là 95 bộ máy hàn
Ngân hàng Tiên Phong - Chi nhánh Thăng Long Hà Nội	438-07.15/HĐTD	8/13/2015	732.900.000	60 tháng	Lãi suất 8%/năm	672.826.230	144.177.048	Thanh toán tiền mua xe Toyota Fortuner 2.7V 4x4	Tài sản hình thành từ vốn vay ngân hàng
	508-09-15/HĐTD/PHG	10/1/2015	1.925.000.000	60 tháng	Theo thông báo của ngân hàng	1.830.327.869	378.688.524	Vay mua ô tô phục vụ mục đích vận tải nội bộ	Tài sản hình thành từ vốn vay ngân hàng
	509-09-15/HĐTD/PHG	9/30/2015	1.526.000.000	60 tháng	Theo thông báo của ngân hàng	1.449.700.001	305.199.996	Vay mua ô tô phục vụ mục đích vận tải nội bộ	Tài sản hình thành từ vốn vay ngân hàng
	510-09-15/HĐTD/PHG	10/2/2015	1.526.000.000	60 tháng	8,6%/năm	1.449.700.001	305.199.996	Vay mua ô tô phục vụ mục đích vận tải nội bộ	Tài sản hình thành từ vốn vay ngân hàng
	511-09-15/HĐTD/PHG	9/30/2015	1.526.000.000	60 tháng	8,6%/năm	1.449.700.001	305.199.996	Vay mua ô tô phục vụ mục đích vận tải nội bộ	Tài sản hình thành từ vốn vay ngân hàng
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Bắc Ninh	512-09-15/HĐTD/PHG	10/1/2015	1.925.000.000	60 tháng	Theo thông báo của ngân hàng	1.830.327.869	378.688.524	Vay mua ô tô phục vụ mục đích vận tải nội bộ	Tài sản hình thành từ vốn vay ngân hàng
	101215.15.030.1502616.TD	08/12/2015	8.739.500.000	60 tháng	Lãi suất 10.3% / năm	8.739.500.000	1.747.900.000	Vay mua cầu bánh lốp 70 tấn	Tài sản hình thành từ vốn vay ngân hàng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-1

Đ/c: Số 17 Lý Thái Tổ, P. Suối Hoa, TP Bắc Ninh, T. Bắc Ninh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Ngân hàng	Số hợp đồng vay	Ngày hợp đồng	Hạn mức tín dụng	Thời hạn vay	Lãi suất vay	Dư nợ gốc vay tại 31/12/2015	Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	Mục đích vay/ Tài sản thuê	Tài sản đảm bảo
Nợ dài hạn						28.291.089.368	8.852.703.410		
Công ty cho thuê tài chính ngân hàng công thương Việt nam	57/2012/TSC-CTTC	27/09/2012		48 tháng	Lãi suất 10.5%/năm, điều chỉnh 03 tháng 01 lần	121.747.006	121.747.006	Tài sản thuê là 01 bộ Vận thăng lồng đôi	Tài sản hình thành từ đi thuê
Công ty cho thuê tài chính ngân hàng ngoại thương Việt Nam	38.12.05.CTTC	18/12/2012		48 tháng	Lãi suất 10.8%; điều chỉnh 06 tháng 01 lần	532.999.988	532.999.988	Tài sản thuê là 01 xe ô tô Toyota LandCruiser	Tài sản hình thành từ đi thuê
	38.12.06.CTTC	25/12/2012		48 tháng	Lãi suất 10.8%; điều chỉnh 06 tháng 01 lần	484.000.012	484.000.012	Tài sản thuê là 04 xe ô tô Ford Ranger XLS 4x2 MT	Tài sản hình thành từ đi thuê
	38.13.01.CTTC	25/4/2013		48 tháng	Lãi suất 10.2%/năm điều chỉnh 6 tháng 1 lần	452.679.939	319.538.784	Tài sản thuê tài chính là Tời thủy lực model IYJ4-70-500-22-ZP	Tài sản hình thành từ đi thuê
	38.13.02.CTTC	26/03/2013		48 tháng	Lãi suất 10.8%/năm điều chỉnh 6 tháng 1 lần	226.333.296	169.750.008	Tài sản thuê tài chính là Xe ô tô đầu kéo và Sơ mi rơ moóc	Tài sản hình thành từ đi thuê
	104.15.02/CTTC	26/06/2015		60 tháng	9.6% / năm điều chỉnh 3 tháng 1 lần	4.219.222.544	920.557.644	Tài sản thuê tài chính là 01 cần trục tháp	Tài sản hình thành từ đi thuê
Công ty TNHH cho thuê tài chính Quốc tế Chailease	C1303042H2	26/03/2013		36 tháng	Lãi suất thả nổi	270.216.543	270.216.543	Tài sản thuê là máy cầu thủy lực bánh lốp 45-60 tấn đã qua sử dụng	Tài sản hình thành từ đi thuê
	B1305025H2	23/5/2013		36 tháng	Lãi suất thả nổi	556.251.450	556.251.450	Tài sản thuê là máy khoan đầm CNC	Tài sản hình thành từ đi thuê
	B141009H1	31/10/2014		36 tháng	Lãi suất thả nổi	1.224.177.770	667.733.340	Tài sản thuê tài chính là 02 xe ô tô con hiệu Camry 2.5Q	Tài sản hình thành từ đi thuê

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-1

Đ/c: Số 17 Lý Thái Tổ, P. Suối Hoa, TP Bắc Ninh, T. Bắc Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Ngân hàng	Số hợp đồng vay	Ngày hợp đồng	Hạn mức tín dụng	Thời hạn vay	Lãi suất vay	Dư nợ gốc vay tại 31/12/2015	Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	Mục đích vay/ Tài sản thuê	Tài sản đảm bảo
Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam	2014-00176-000	1/10/2014		60 tháng	Lãi suất thả nổi	17.420.735.337	3.933.677.632	Tài sản thuê tài chính là cần cầu bánh xích KOBECO 250 tấn đã qua sử dụng	Tài sản hình thành từ đi thuê
	2014-00185-000	24/10/2014		48 tháng	Lãi suất thả nổi	469.442.284	150.513.375	Tài sản thuê tài chính bao gồm 02 vát mép ống hiệu KyoungDong, 02 máy cưa vòng và giá quay hàn ống tự động	Tài sản hình thành từ đi thuê
	2014-00185-001	3/11/2014		48 tháng	Lãi suất thả nổi	2.313.283.199	725.717.628	Tài sản thuê tài chính bao gồm 01 máy cưa vòng bán tự động kiểu 2 trụ và 01 máy cưa vòng kiểu bán lẻ bán tự động	Tài sản hình thành từ đi thuê
	Cộng					55.386.269.293	15.499.673.480		

b) Các khoản nợ thuê tài chính

Thời hạn	Cuối kỳ (31/12/2015)			Đầu kỳ (01/01/2015)		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả lãi tiền thuê	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả lãi tiền thuê	Trả nợ gốc
Từ 01 năm trở xuống	9.649.446.717	796.743.307	8.852.703.410	13.842.168.230	2.887.187.215	10.954.981.015
Từ 01 năm đến 05 năm	21.187.840.694	1.749.454.736	19.438.385.958	28.009.150.778	3.937.446.958	24.071.703.820
Từ 05 năm trở lên						

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-1

Đ/c: Số 17 Lý Thái Tổ, P. Suối Hoa, TP Bắc Ninh, T. Bắc Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Phụ lục số 04: Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: đồng

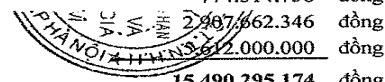
Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	70.150.000.000	14.925.000.000	1.332.530.000	-	37.732.476.963	124.140.006.963
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	16.379.471.946	16.379.471.946
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Trích các quỹ	-	-	688.291.827	-	5.506.334.616	6.194.626.443
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	8.153.836.540	8.153.836.540
Chia cổ tức	-	-	-	-	5.612.000.000	5.612.000.000
Giảm khác	-	-	-	-	889.176.772	889.176.772
Số dư đầu năm nay	70.150.000.000	14.925.000.000	2.020.821.827	-	44.963.270.213	132.059.092.040
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	17.051.220.476	17.051.220.476
Tăng khác (*)	-	-	-	864.264.023	665.635.620	1.529.899.643
Trích các quỹ (**)	-	-	774.514.758	-	6.196.118.070	6.970.632.828
Phân phối lợi nhuận (**)	-	-	-	-	9.878.295.174	9.878.295.174
Chia cổ tức (**)	-	-	-	-	5.612.000.000	5.612.000.000
Giảm khác	-	-	-	864.264.023	-	864.264.023
Số dư cuối năm nay	70.150.000.000	14.925.000.000	2.795.336.585	-	53.385.949.205	141.256.285.790

(*) Tăng lợi nhuận chưa phân phối sau khi có Biên bản của Thanh tra Bộ Tài chính ngày 14/08/2015, chi tiết như sau:

- Giảm chi phí thuê đất của năm 2014	658.057.000	đồng
- Giảm chi phí Dự án nhiệt điện đốt rác Sóc Sơn của năm 2014	195.322.000	đồng
- Tăng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2014	(187.743.380)	đồng
Cộng	665.635.620	đồng

(**) Phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 ngày 25/4/2015, chi tiết như sau:

- Trích quỹ đầu tư phát triển	6.196.118.070	đồng
- Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	774.514.758	đồng
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	2.987.662.346	đồng
- Chia cổ tức	5.612.000.000	đồng
Cộng	15.490.295.174	đồng



Bắc Ninh, ngày 11 tháng 04 năm 2016
CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-1

